

**PHỤ LỤC  
VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

(Kèm theo Quyết định số: 713/QĐ-CDQN ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Quảng Nam)

**Cơ sở giáo dục nghề nghiệp: TRƯỜNG CAO ĐẲNG QUẢNG NAM**

**I. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/Tích hợp
1	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	Cao đẳng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng môn học, mô đun: 37</li> <li>- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 107 tín chỉ; tổng số: 2.520 giờ; Trong đó:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ</li> <li>+ Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 2.025 giờ</li> <li>+ Khối lượng các môn học, mô đun bổ trợ: 60 giờ</li> </ul> </li> <li>- Khối lượng lý thuyết: 758 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.610 giờ; Kiểm tra: 152 giờ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>* Kỹ năng cứng: Đạt bậc 3/5 tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, với những kỹ năng cụ thể sau:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc được các bản vẽ kỹ thuật, sơ đồ thiết kế, lắp đặt, sửa chữa trong hệ thống lạnh, hệ thống điều hòa trung tâm, điều hòa không khí ô tô...</li> <li>- Giám sát và tổ chức thực hiện được công tác an toàn trong lĩnh vực của ngành nghề.</li> <li>- Thực hiện được quy trình: lắp đặt, vận hành các hệ thống máy lạnh công nghiệp, thương nghiệp, dân dụng an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất.</li> <li>- Thực hiện được quy trình: lắp đặt, vận hành các hệ thống điều hòa không khí trung tâm, cục bộ, hệ thống điều hòa không khí ô tô, hệ thống VRV/VRF đảm bảo an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt hiệu quả, tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu.</li> <li>- Thực hiện được quy trình: bảo trì, bảo</li> </ul> </li> </ul>	107	2.520	758	1.762

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
				<p>đưỡng các hệ thống lạnh an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa chữa được các hư hỏng thông thường về cơ, điện, lạnh trong các hệ thống lạnh.</li> <li>- Sửa chữa được các hư hỏng thông thường của một số thiết bị điện gia dụng;</li> <li>- Vận hành, sửa chữa được các hư hỏng thông thường về điều khiển điện tử, bộ điều khiển lập trình (PLC) đơn giản trong các hệ thống lạnh.</li> <li>- Tính toán được phụ tải lạnh, chọn, thiết kế, lắp đặt sơ bộ được hệ thống điện lạnh của máy lạnh, điều hòa không khí có năng suất lạnh nhỏ.</li> <li>- Đánh giá được tác động môi trường của môi chất lạnh và các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường khi thực hiện các công việc của nghề kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.</li> <li>- Lựa chọn, sử dụng thành thạo các dụng cụ, thiết bị chính trong nghề.</li> <li>- Có khả năng tiếp thu, tổ chức và thực hiện chuyên giao công nghệ hiện đại.</li> <li>- Xử lý được các tình huống phức tạp trong quá trình làm việc.</li> <li>- Sử dụng các nguồn năng lượng, vật tư nguyên vật liệu đảm bảo hiệu quả, an toàn và tiết kiệm.</li> <li>- Có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo,</li> </ul>				

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
				<p>ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc.</p> <p>* Kỹ năng mềm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kỹ năng giao tiếp, truyền đạt hiệu quả các thông tin, ý tưởng, giải pháp tới người khác tại nơi làm việc.</li> <li>- Có kỹ năng phân tích và xử lý thông tin.</li> <li>- Có kỹ năng giao tiếp chuyên môn và xã hội linh hoạt.</li> <li>- Có kỹ năng thuyết trình, giao tiếp ứng xử, kỹ năng làm việc theo nhóm.</li> <li>- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;</li> <li>- Sử dụng được ngoại ngữ đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ chuyên ngành vào công việc chuyên môn của ngành, nghề đào tạo để áp dụng nâng cao hiệu quả công việc, tra cứu tài liệu.</li> </ul>				
2	CNKT Điện – Điện tử	Cao đẳng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng môn học, mô đun: 37</li> <li>- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 105 tín chỉ/2.505 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng thành thạo các dụng cụ hỗ trợ cầm tay nghề điện, điện tử;</li> <li>- Đọc được chính xác các bản vẽ kỹ thuật của nghề (Bản vẽ sơ đồ lắp ráp, bản vẽ sơ đồ nguyên lý); liệt kê được vật tư, linh kiện cần cho mạch điện;</li> <li>- Lắp ráp thuần thục các thiết bị điện, điện tử;</li> </ul>	105	2.505	746	1.759

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 2.010 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun bổ trợ: 60 giờ</li> <li>- Khối lượng lý thuyết: 746 giờ; Thực hành, thực tập: 1.658 giờ; Kiểm tra: 101 giờ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đo, kiểm tra, sửa chữa thành thạo các thiết bị điện, điện tử;</li> <li>- Tính toán, thiết kế được mạch điện tử và các hệ thống hệ thống điện dân dụng, công nghiệp theo đúng yêu cầu;</li> <li>- Lắp ráp các mạch điện tử đảm bảo yêu cầu kỹ thuật;</li> <li>- Lập được kế hoạch, tổ chức và thực hiện lắp đặt hệ thống phân phối cung cấp điện, hệ thống điện dân dụng, công nghiệp và các hệ thống tự động hóa trong công nghiệp;</li> <li>- Vận hành thuần thục hệ thống phân phối cung cấp điện, hệ thống điện dân dụng, công nghiệp và các hệ thống tự động hóa trong công nghiệp;</li> <li>- Lập trình vi điều khiển, PLC cho hệ thống điện, điện tử;</li> <li>- Sử dụng thuần thục các phần mềm ứng dụng (Proteus, PLC, Reads51, Festo Fluidsim, Autocad...) phục vụ cho chuyên ngành, quản lý và tổ chức sản xuất;</li> <li>- Sửa chữa các thiết bị điện gia dụng, thiết bị lạnh gia dụng;</li> <li>- Giải đáp được các thắc mắc, từ đó lập được kế hoạch cung cấp các yêu cầu và lựa chọn được sản phẩm đáp ứng nhu cầu cho khách hàng;</li> <li>- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng</li> </ul>				

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
				<p>công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.</li> </ul>				
3	Nông nghiệp công nghệ cao	Cao đẳng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng môn học, mô đun: 33</li> <li>- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 80 tín chỉ/2.100 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 19 tín chỉ/435 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 57 tín chỉ/1.605 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun bổ trợ: 4 tín chỉ/60 giờ</li> <li>- Khối lượng lý thuyết: 699 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.320 giờ; Kiểm tra: 81 giờ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng được kế hoạch sản xuất, trồng, chăm sóc và thu hoạch phù hợp với từng loại cây;</li> <li>- Thực hiện được các bước trong quy trình trồng cây rau, cây ăn quả, hoa, cây cảnh và một số cây công nghiệp, cây lương thực;</li> <li>- Sử dụng được các máy móc, thiết bị công nghệ cao trong trồng, chăm sóc các loại cây trồng;</li> <li>- Làm giá thể và pha chế dinh dưỡng cho cây trồng trong nhà lưới, nhà kính, thủy canh;</li> <li>- Sử dụng linh hoạt các chất điều hòa sinh trưởng, các yếu tố vật lý trong điều khiển sinh trưởng, phát triển cây trồng;</li> <li>- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định, ứng dụng được CNTT trong quản lý và sản xuất nông nghiệp;</li> <li>- Có khả năng truyền đạt, chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp cho người dân đạt hiệu quả cao nhất;</li> <li>- Sử dụng ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.</li> <li>- Vận dụng kiến thức cơ bản về chính trị,</li> </ul>	80	2.100	699	1.401

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
				văn hóa, xã hội và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc nghề nghiệp và hoạt động xã hội thuộc lĩnh vực nông nghiệp.				
4	Điện công nghiệp	Cao đẳng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng môn học, mô đun: 30</li> <li>- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 90 tín chỉ; tổng số: 2.100 giờ; Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ</li> <li>+ Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.605 giờ</li> <li>+ Khối lượng các môn học, mô đun bổ trợ: 60 giờ</li> </ul> </li> <li>- Khối lượng lý thuyết: 633 giờ; Thực hành, thực tập: 1.383 giờ; Kiểm tra: 84 giờ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>* Kỹ năng cứng: Đạt bậc 3/5 tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, với những kỹ năng cụ thể sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vận hành an toàn và thao tác đúng trình tự đóng cắt các hệ thống điện công nghiệp.</li> <li>+ Đọc các bản vẽ thiết kế, sửa chữa và cải tiến hệ thống điện công nghiệp.</li> <li>+ Lập quy trình, tổ chức lắp đặt, kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa những hư hỏng phức tạp của hệ thống điện công nghiệp.</li> <li>+ Đánh giá được việc sử dụng năng lượng điện trong nhà máy, phân xưởng, đưa ra các biện pháp tiết kiệm điện năng.</li> <li>+ Có khả năng tiếp thu, tổ chức và thực hiện chuyển giao công nghệ.</li> <li>+ Có kỹ năng truyền đạt hiệu quả các thông tin, các ý tưởng, giải pháp đến người khác thuộc lĩnh vực nghề Điện công nghiệp;</li> <li>+ Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.</li> <li>- Đọc được các bản vẽ kỹ thuật, sơ đồ thiết kế, lắp đặt, sửa chữa trong hệ thống lạnh, hệ thống điều hòa trung tâm, điều hòa không</li> </ul> </li> </ul>	90	2.100	633	1.467

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
				<p>khí ô tô...</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giám sát và tổ chức thực hiện được công tác an toàn trong lĩnh vực của ngành nghề.</li> <li>- Thực hiện được quy trình: lắp đặt, vận hành các hệ thống máy lạnh công nghiệp, thương nghiệp, dân dụng an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất.</li> <li>- Thực hiện được quy trình: lắp đặt, vận hành các hệ thống điều hòa không khí trung tâm, cục bộ, hệ thống điều hòa không khí ô tô, hệ thống VRV/VRF đảm bảo an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt hiệu quả, tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu.</li> <li>- Thực hiện được quy trình: bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống lạnh an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất.</li> <li>- Sửa chữa được các hư hỏng thông thường về cơ, điện, lạnh trong các hệ thống lạnh.</li> <li>- Sửa chữa được các hư hỏng thông thường của một số thiết bị điện gia dụng;</li> <li>- Vận hành, sửa chữa được các hư hỏng thông thường về điều khiển điện tử, bộ điều khiển lập trình (PLC) đơn giản trong các hệ thống lạnh.</li> <li>- Tính toán được phụ tải lạnh, chọn, thiết kế, lắp đặt sơ bộ được hệ thống điện lạnh của máy lạnh, điều hòa không khí có năng suất lạnh nhỏ.</li> <li>- Đánh giá được tác động môi trường của</li> </ul>				

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
				<p>môi chất lạnh và các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường khi thực hiện các công việc của nghề kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lựa chọn, sử dụng thành thạo các dụng cụ, thiết bị chính trong nghề.</li> <li>- Có khả năng tiếp thu, tổ chức và thực hiện chuyển giao công nghệ hiện đại.</li> <li>- Xử lý được các tình huống phức tạp trong quá trình làm việc.</li> <li>- Sử dụng các nguồn năng lượng, vật tư nguyên vật liệu đảm bảo hiệu quả, an toàn và tiết kiệm.</li> <li>- Có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc.</li> </ul> <p>* Kỹ năng mềm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kỹ năng giao tiếp, truyền đạt hiệu quả các thông tin, ý tưởng, giải pháp tới người khác tại nơi làm việc.</li> <li>- Có kỹ năng phân tích và xử lý thông tin.</li> <li>- Có kỹ năng giao tiếp chuyên môn và xã hội linh hoạt.</li> <li>- Có kỹ năng thuyết trình, giao tiếp ứng xử, kỹ năng làm việc theo nhóm.</li> <li>- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;</li> </ul>				



TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
				- Sử dụng được ngoại ngữ đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ chuyên ngành vào công việc chuyên môn của ngành, nghề đào tạo để áp dụng nâng cao hiệu quả công việc, tra cứu tài liệu.				
5	Công nghệ thông tin	Cao đẳng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng môn học, mô đun: 35</li> <li>- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khoá học: 93 tín chỉ (2.295 giờ)</li> <li>+ Khối lượng các môn học chung: 435 giờ</li> <li>+ Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.800 giờ</li> <li>+ Khối lượng các môn học/mô đun bổ trợ: 60 giờ</li> <li>- Khối lượng lý thuyết: 689 giờ; Thực hành, thực tập: 1.550 giờ; Kiểm tra: 56 giờ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; sử dụng được một số chương trình tin học văn phòng và tin học ứng dụng, biết cách tìm kiếm thông tin trên mạng Internet;</li> <li>- Khai thác, ứng dụng được công nghệ thông tin trong phân tích và thiết kế hệ thống viễn thông, mạng máy tính; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;</li> <li>- Tư vấn được dịch vụ công nghệ thông tin cho khách hàng;</li> <li>- Thiết kế được sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng dựa vào đặc tính của phần mềm ứng dụng;</li> <li>- Thiết kế, xây dựng được cơ sở dữ liệu theo yêu cầu, tính chất của công việc được giao;</li> <li>- Lựa chọn được phương pháp sao lưu, phục hồi dữ liệu đảm bảo tính sẵn sàng của hệ thống;</li> <li>- Vận hành và quản trị được hệ thống phần mềm;</li> <li>- Thiết kế và xây dựng được hệ thống mạng</li> </ul>	93	2.295	689	1.606

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
				<p>LAN;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lựa chọn được các cơ chế đảm bảo an toàn dữ liệu;</li> <li>- Thực hiện được các công việc lắp ráp, cài đặt, thiết lập các thông số cơ bản của máy tính;</li> <li>- Ghi được nhật ký cũng như báo cáo công việc, tiến độ công việc;</li> <li>- Thực hiện được các biện pháp vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động;</li> <li>- Quản lý nhóm, giám sát hệ thống công nghệ thông tin vừa và nhỏ;</li> <li>- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.</li> </ul>				
6	Dịch vụ thú y	Cao đẳng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng môn học, mô đun: 33</li> <li>- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 78 tín chỉ/2.100 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.605 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun bổ trợ: 60 giờ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được các công việc chẩn đoán bệnh, điều trị bệnh, khai thác và pha chế tinh dịch, thực hành sản khoa;</li> <li>- Thực hiện được toàn bộ các công đoạn trong công việc xây dựng và thực hiện quy trình phòng dịch bệnh;</li> <li>- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chuyên môn cho người có trình độ thấp hơn hoặc người chăn nuôi;</li> <li>- Thực hiện được các bước mở dịch vụ chăm sóc thú cưng, mở cửa hàng kinh doanh thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi;</li> <li>- Kinh doanh thiết bị và thuốc thú y đảm bảo hiệu quả, an toàn, vệ sinh môi trường và</li> </ul>	78	2.100	602	1.498

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khối lượng lý thuyết: 602 giờ; Thực hành, thực tập: 1.421 giờ; Kiểm tra: 77 giờ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>đúng pháp luật;</li> <li>- Thực hiện được công tác thú y trong các cơ sở chăn nuôi, các trung tâm dịch vụ khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp, trung tâm khuyến nông và tham gia sản xuất thuốc thú y;</li> <li>- Tuyên truyền vận động cộng đồng tham gia thực hiện các phương án phòng bệnh cho gia súc, gia cầm;</li> <li>- Cập nhật, chia sẻ các thông tin, công nghệ mới trong lĩnh vực thú y để đáp ứng tốt nhiệm vụ được giao;</li> <li>- Ghi được nhật ký công việc, lập báo cáo nội dung, tiến độ công việc.</li> <li>- Thực hiện được các biện pháp an toàn lao động và vệ sinh thú y;</li> <li>- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;</li> <li>- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.</li> </ul>				
7	Công nghệ ô tô	Cao đẳng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng môn học, mô đun: 36</li> <li>- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 101 tín chỉ/2.490 giờ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc được bản vẽ kỹ thuật về kết cấu của các chi tiết, bộ phận trong ô tô, các sơ đồ mạch điện và mạch tín hiệu điều khiển; đọc được các ký hiệu phân loại của các linh kiện, chi tiết, bộ phận trên ô tô; tra cứu được</li> </ul>	101	2.490	889	1.601

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 2.055 giờ</li> <li>- Khối lượng lý thuyết: 889 giờ; Thực hành/thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận: 1.502 giờ; Kiểm tra: 99 giờ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô;</li> <li>- Lựa chọn đúng, sử dụng thành thạo và bảo dưỡng, bảo quản được các loại dụng cụ, thiết bị tháo, lắp, đo và kiểm tra trong ngành, nghề Công nghệ ô tô;</li> <li>- Chẩn đoán và phát hiện chính xác và đầy đủ các sai hỏng trong các cụm chi tiết, các hệ thống của ô tô;</li> <li>- Kiểm tra được những sai hỏng của các cụm chi tiết, bộ phận và hệ thống trong ô tô;</li> <li>- Lập được quy trình tháo, lắp các chi tiết, bộ phận, hệ thống của ô tô;</li> <li>- Lập được quy trình bảo dưỡng, sửa chữa phù hợp với từng lỗi kỹ thuật và từng loại ô tô;</li> <li>- Thực hiện các công việc bảo dưỡng, sửa chữa đúng quy trình, quy phạm, đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn lao động;</li> <li>- Tổ chức và quản lý được quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tương ứng với trình độ được đào tạo;</li> <li>- Thực hiện tốt các nội dung 5S;</li> <li>- Tiếp nhận và chuyển giao được các công nghệ mới trong lĩnh vực ô tô;</li> <li>- Lập được kế hoạch sản xuất; tổ chức và quản lý các hoạt động sản xuất đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn an toàn và vệ sinh công nghiệp;</li> <li>- Có khả năng đào tạo, bồi dưỡng các kiến</li> </ul>				

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
				<p>thức, kỹ năng nghề nghiệp cho người học ở trình độ thấp hơn;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;</li> <li>- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.</li> </ul>				
8	Công nghệ Kỹ thuật xây dựng	Cao đẳng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng môn học, mô đun: 31</li> <li>- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khoá học: 85 tín chỉ (2.100 giờ)</li> <li>- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.560 giờ</li> <li>- Khối lượng lý thuyết: 640 giờ</li> <li>- Thực hành, thực tập, bài tập, thảo luận: 1.371 giờ</li> <li>- Kiểm tra: 89 giờ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc và phát hiện được các lỗi thông thường trong của bản vẽ kỹ thuật, thi công xây dựng;</li> <li>- Lựa chọn được vật liệu, phương tiện,... theo quy chuẩn công nghệ xây dựng;</li> <li>- Sử dụng thành thạo các loại máy, dụng cụ và một số thiết bị chuyên dùng trong nghề xây dựng;</li> <li>- Thực hiện được công việc quản lý và tổ chức thi công bao gồm: lập biện pháp, tiến độ, dự trù khối lượng, dụng cụ, máy móc, phân công công việc, kiểm tra, giám sát an toàn, tiến độ thi công;</li> <li>- Hướng dẫn, phổ biến, kiểm tra, giám sát và khắc phục được sai sót về an toàn lao động và vệ sinh môi trường;</li> <li>- Dự trù được vật tư; tổ chức thi công; kiểm tra, giám sát và nghiệm thu hoàn công được khi thi công đất, xây, hoàn thiện, thi công cấp</li> </ul>	85	2.100	640	1.460

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
				<p>pha - giàn giáo, thi công cốt thép, thi công bê tông;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện thành thạo các công việc của nghề kỹ thuật xây dựng như: đào móng, xây gạch, trát, lát, láng, ốp, gia công, lắp dựng và tháo dỡ cốp pha, giàn giáo, gia công lắp đặt cốt thép, trộn đồ đầm bê tông, bả mát tít, sơn vôi, và một số công việc khác có liên quan theo yêu cầu kỹ thuật;</li> <li>- Phát hiện được các sai hỏng, sự cố kỹ thuật và có phương án xử lý kịp thời;</li> <li>- Nghiệm thu được khối lượng và chất lượng công trình;</li> <li>- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;</li> <li>- Có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.</li> </ul>				
9	CNKT cơ khí	Cao đẳng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng môn học, mô đun: 34</li> <li>- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 100 Tín chỉ</li> <li>- Khối lượng các môn học chung: 435 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 2.005 giờ</li> </ul>	<p>Đạt bậc 5 khung trình độ quốc gia Việt Nam với những kỹ năng cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vẽ được một số bản vẽ chi tiết, lắp đúng yêu cầu kỹ thuật bản vẽ trên phần mềm vẽ kỹ thuật và gia công được chi tiết theo đúng yêu cầu kỹ thuật;</li> <li>- Sử dụng thành thạo một hoặc nhiều loại máy công cụ như: máy tiện vạn năng, máy phay vạn năng, máy bào - máy xọc, máy mài, máy khoan - máy doa, máy tiện CNC,</li> </ul>	100	2.500	768	1.732

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khối lượng lý thuyết: 768 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm, kiểm tra: 1.633 giờ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- máy phay CNC;</li> <li>- Sử dụng được các dụng cụ kiểm tra, dụng cụ đo;</li> <li>- Gia công được một số chi tiết máy định hình trên máy tiện vạn năng, máy phay vạn năng, máy bào - máy xọc, máy mài, máy khoan - máy doa, máy tiện CNC, máy phay CNC theo yêu cầu;</li> <li>- Hàn được các mối ghép hàn ở các vị trí 1,2,3,4G; 1,2,3,4F bằng phương pháp hàn hồ quang tay.</li> <li>- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;</li> <li>- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.</li> </ul>				
10	Lâm nghiệp	Cao đẳng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng môn học, mô đun: 31</li> <li>- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 73 tín chỉ (2.070 giờ)</li> <li>- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng được dụng cụ, máy đo đạc và một số phần mềm chuyên ngành trong công tác quản lý tài nguyên rừng, đất rừng, xây dựng bản đồ lâm nghiệp;</li> <li>- Thực hiện được việc sản xuất một số loài cây giống nông lâm nghiệp;</li> <li>- Thực hiện được các công việc trồng, chăm sóc, nuôi dưỡng, phục hồi rừng; phòng trừ sinh vật gây hại rừng, phòng cháy và chữa</li> </ul>	73	2.070	727	1.243

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
			<p>học, mô đun chuyên môn: 1.575 giờ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun bổ trợ: 60 giờ</li> <li>- Khối lượng lý thuyết: 727 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.266 giờ; Kiểm tra: 77 giờ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- cháy rừng, phòng chống người và gia súc phá hại rừng;</li> <li>- Nhận biết được một số loài động vật, thực vật rừng;</li> <li>- Lập được một số loại hồ sơ liên quan đến lĩnh vực lâm nghiệp;</li> <li>- Tuyên truyền, vận động cộng đồng dân cư tham gia thực hiện đúng các quy định pháp luật về lâm nghiệp;</li> <li>- Điều hành được hoạt động sản xuất ở mức độ nhóm, tổ, đội; giám sát kỹ thuật lâm sinh, làm các công việc của khuyến lâm viên;</li> <li>- Tổ chức sản xuất kinh doanh trang trại lâm nghiệp;</li> <li>- Áp dụng đúng các quy định, các biện pháp đảm bảo an toàn lao động, sơ cứu được người bị tai nạn lao động, ốm đau trong sản xuất lâm nghiệp.</li> <li>- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.</li> </ul>				
11	May thời trang	Cao đẳng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng môn học, mô đun: 36</li> <li>- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 104 tín chỉ/ 2.500 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học chung/đại cương:</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân biệt và lựa chọn được vật liệu may phù hợp với kiểu dáng sản phẩm và đối tượng sử dụng;</li> <li>- Thực hiện được công việc trên phần mềm ứng dụng chuyên ngành;</li> <li>- Thiết kế được các kiểu áo sơ mi nam nữ, quần âu nam nữ, áo Jacket, váy và áo Vét</li> </ul>	104	2.500	732	1.768



TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
			<p>435 giờ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn, bổ trợ: 2.065 giờ</li> <li>- Khối lượng lý thuyết: 732 giờ; Thực hành, thực tập: 1.694 giờ; Kiểm tra: 74 giờ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>nữ cơ bản và thời trang trên phần mềm máy tính;</li> <li>- Nhảy mẫu được trên phần mềm đảm bảo yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật;</li> <li>- Thiết kế được các loại mẫu phục vụ quá trình may sản phẩm;</li> <li>- Tổ chức thực hiện được các biện pháp an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ tại nơi làm việc;</li> <li>- Vận hành, sử dụng thành thạo được các thiết bị may cơ bản, thiết bị may điện tử, các thiết bị chuyên dùng ngành may;</li> <li>- May được các kiểu áo sơ mi nam nữ, quần âu nam nữ, áo Jacket, váy, áo Vét nữ cơ bản và thời trang;</li> <li>- Cắt, may được các kiểu áo sơ mi nam nữ, quần âu nam nữ, áo Jacket, váy, áo Vét nữ cơ bản và thời trang đảm bảo đúng kỹ thuật;</li> <li>- Xây dựng được quy trình công nghệ may các loại sản phẩm;</li> <li>- Sử dụng thành thạo các đồ gá, ke, cữ...;</li> <li>- Phát hiện, xử lý được những sai hỏng, sự cố từ đơn giản đến phức tạp trong quá trình thiết kế và may sản phẩm;</li> <li>- Thực hiện và vận dụng được một số kỹ năng mềm vào quá trình làm việc;</li> <li>- Vận dụng được các kiến thức 5S vào quá trình thực hiện từng công việc cụ thể;</li> <li>- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản</li> </ul>				

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
				theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề; - Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.				
12	Chăn nuôi thú y	Cao đẳng	- Số lượng môn học, mô đun: 31 - Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 82 tín chỉ/2.100 giờ - Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ - Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.605 giờ - Khối lượng các môn học, mô đun bổ trợ: 60 giờ - Khối lượng lý thuyết: 628 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.389 giờ; Kiểm tra: 83 giờ	- Thực hiện được các công việc về chọn giống, nhân giống, thụ tinh nhân tạo; sản xuất chế biến và phối hợp khẩu phần ăn; thực hiện quy trình công nghệ chăn nuôi; - Thực hiện được các công việc chẩn đoán bệnh, điều trị bệnh, khai thác và pha chế tinh dịch, thực hành sản khoa; - Thực hiện được các bước mở dịch vụ chăm sóc thú cưng, mở cửa hàng kinh doanh thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi; - Xây dựng và phối trộn được khẩu phần ăn phù hợp với nhu cầu dinh dưỡng các giai đoạn sinh trưởng phát triển của các loại vật nuôi đúng yêu cầu kỹ thuật theo TCVN; - Bố trí, sắp xếp được các dụng cụ, trang thiết bị trong chuồng nuôi khoa học và đúng yêu cầu kỹ thuật; - Lập được quy trình phòng bệnh cho đàn vật nuôi đạt hiệu quả; - Kinh doanh thiết bị và thuốc thú y đảm bảo hiệu quả, an toàn, vệ sinh môi trường và đúng pháp luật;	82	2.100	628	1.472

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư vấn và chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thực tiễn sản xuất trong lĩnh vực chăn nuôi đạt hiệu quả;</li> <li>- Tuyên truyền đạt hiệu quả các thông tin, ý tưởng, giải pháp về lĩnh vực chăn nuôi - thú y tới người khác tại nơi làm việc.</li> <li>- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;</li> <li>- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.</li> </ul>				
13	Quản lý đất đai	Cao đẳng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng môn học, mô đun: 30</li> <li>- Khối lượng kiến thức toàn khoá học: 78 tín chỉ/2.100 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học chung: 19 tín chỉ/435 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 55 tín chỉ/1.605 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun bổ trợ: 4 tín chỉ/60 giờ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng thành thạo các máy trắc địa để đo đạc, lập bản đồ địa chính và các loại bản đồ chuyên đề;</li> <li>- Vận dụng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định khác trong công tác: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điều tra, đánh giá tài nguyên đất, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;</li> <li>+ Đo đạc địa chính, đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thống kê, kiểm kê đất đai, xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất;</li> <li>+ Xác định giá đất phục vụ quản lý tài chính về đất đai và kinh doanh bất động sản;</li> <li>+ Thực hiện được quy trình thanh tra, kiểm tra và giải quyết tranh chấp về đất đai, giải</li> </ul> </li> </ul>	78	2.100	618	1.482

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khối lượng lý thuyết: 618 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.394 giờ; Kiểm tra: 88 giờ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý và sử dụng đất;</li> <li>- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;</li> <li>- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.</li> </ul>				
14	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Cao đẳng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Số lượng môn học, mô-đun: 30</li> <li>- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 86 tín chỉ</li> <li>- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô-đun chuyên môn: 1665 giờ</li> <li>- Khối lượng lý thuyết: 687 giờ; Thực hành, thực tập: 1329 giờ; Kiểm tra: 84 giờ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Khảo sát thị trường; phân tích, đánh giá nhu cầu, khả năng đáp ứng dịch vụ, xác định nguồn tài chính... để xây dựng kế hoạch tổ chức bán sản phẩm dịch vụ du lịch và lữ hành;</li> <li>- Thiết kế được sản phẩm dịch vụ du lịch và sản phẩm dịch vụ lữ hành phù hợp với yêu cầu của khách hàng;</li> <li>- Thực hiện quảng cáo, tư vấn khách hàng, tổ chức bán sản phẩm dịch vụ du lịch và lữ hành;</li> <li>- Xây dựng được tiêu chí đánh giá, thực hiện quản lý và kiểm soát chất lượng dịch vụ du lịch và lữ hành;</li> <li>- Điều hành, tổ chức thực hiện chương trình du lịch đảm bảo theo kế hoạch;</li> <li>- Phân tích, đánh giá và đề xuất được các giải pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành;</li> </ul>	86	2.100	687	1.329

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện chăm sóc khách hàng và giải quyết phàn nàn của khách hàng một cách hiệu quả;</li> <li>- Thiết lập và duy trì các mối quan hệ với các nhà cung ứng dịch vụ;</li> <li>- Giám sát và thực hiện được thao tác nghiệp vụ thanh toán, các giao dịch với các nhà cung ứng dịch vụ và khách hàng;</li> <li>- Thực hiện đánh giá năng lực và đào tạo nhân viên đảm bảo đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp;</li> <li>- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;</li> <li>- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.</li> </ul>				
15	Hướng dẫn du lịch	Cao đẳng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng môn học, mô đun: 29</li> <li>- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 89 tín chỉ</li> <li>- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức khảo sát và thiết kế được các chương trình du lịch cơ bản và phức tạp theo yêu cầu khách hàng;</li> <li>- Tư vấn và bán chương trình du lịch một cách có hiệu quả đáp ứng yêu cầu của khách và quy định của pháp luật;</li> <li>- Chuẩn bị đầy đủ các yêu cầu về nội dung, phương tiện và các trang thiết bị hỗ trợ trước khi thực hiện hướng dẫn cho khách du lịch;</li> </ul>	91	2.100	777	1.323

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
			<p>môn: 1.665 giờ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khối lượng lý thuyết: 777 giờ; Thực hành, thực tập: 1.239 giờ; Kiểm tra: 84 giờ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng kế hoạch, chương trình tổ chức đón tiếp khách du lịch;</li> <li>- Xây dựng kế hoạch, chương trình lưu trú và ăn uống cho khách du lịch;</li> <li>- Tổ chức được các hoạt động team building, vui chơi giải trí và mua sắm đáp ứng yêu cầu khách du lịch;</li> <li>- Thuyết minh tại điểm du lịch và trên các phương tiện giao thông;</li> <li>- Quản lý khách trong quá trình tham quan du lịch đảm bảo an toàn, đúng lịch trình;</li> <li>- Xây dựng kế hoạch, giám sát hoạt động tiễn khách an toàn, hiệu quả;</li> <li>- Thiết lập và duy trì các mối quan hệ với các nhà cung ứng dịch vụ;</li> <li>- Thực hiện báo cáo đánh giá kết quả chương trình du lịch;</li> <li>- Giao tiếp hiệu quả với khách hàng bằng tiếng Việt và các ngoại ngữ khác phù hợp với yêu cầu hướng dẫn khách du lịch;</li> <li>- Điều hành tổ chức chăm sóc khách hàng và giải quyết phàn nàn của khách hàng hiệu quả trước, trong và sau quá trình thực hiện chương trình du lịch;</li> <li>- Sử dụng đúng, an toàn các loại trang thiết bị tại bộ phận hướng dẫn;</li> <li>- Cập nhật những kiến thức, thông tin mới về các tuyến, điểm du lịch;</li> <li>- Nắm bắt các xu hướng phát triển mới của</li> </ul>				

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
				<p>văn hóa, du lịch, lễ hành, khách sạn và áp dụng hiệu quả trong công việc;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được thao tác nghiệp vụ thanh toán, các giao dịch với các nhà cung ứng dịch vụ và khách hàng;</li> <li>- Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề.</li> <li>- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam, ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.</li> </ul>				
16	Quản trị kinh doanh	Cao đẳng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng môn học: 28</li> <li>- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khoá học: 80 tín chỉ (2.115 giờ)</li> <li>- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.620 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun bổ trợ : 60 giờ</li> <li>- Khối lượng lý</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trang bị những kiến thức tổng quan về các vấn đề kinh tế, chính trị, luật, văn hóa - xã hội liên quan ứng dụng trong kinh doanh;</li> <li>- Trình bày được cơ bản về các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội phù hợp với ngành quản trị kinh doanh;</li> <li>- Nắm vững chuyên sâu về các lĩnh vực quản trị kinh doanh như: quản trị nguồn nhân lực, quản trị chất lượng, quản trị marketing, quản trị tài chính, quản trị sản xuất, quản trị chiến lược, quản trị bán hàng, quản trị dự án đầu tư;</li> <li>- Thực hiện được các chức năng quản lý như: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch, kiểm tra đánh giá, phân tích trong thực tiễn quản lý kinh doanh nói chung và</li> </ul>	80	2.115	656	1.459

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
			thuyết: 656 giờ; - Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.393 giờ; kiểm tra: 66 giờ	những hoạt động kinh doanh cụ thể trong từng lĩnh vực của doanh nghiệp. - Tham gia hoạch định chiến lược, xây dựng kế hoạch, tổ chức điều hành và kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; - Xây dựng và tổ chức thực hiện dự án, hệ thống quản lý chất lượng, thương hiệu, chương trình marketing của doanh nghiệp; - Xây dựng kế hoạch kinh doanh, tìm kiếm, tiếp cận khách hàng và giới thiệu sản phẩm; - Phân tích được hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; - Tham mưu cho lãnh đạo doanh nghiệp những ý kiến cải tiến trong công tác quản trị doanh nghiệp phù hợp với từng thời kỳ kinh doanh; - Có khả năng hoạch định chiến lược, kế hoạch kinh doanh, biết tổ chức hoạt động kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp mới; - Vận dụng linh hoạt kỹ năng chăm sóc khách hàng, các đối tác trong kinh doanh; - Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.				
17	Kế toán	Cao đẳng	- Số lượng môn học, mô đun: 31 - Khối lượng kiến thức toàn khóa học:	- Tổ chức được công tác tài chính kế toán phù hợp với từng tổ chức; - Thực hiện thành thạo việc lập, kiểm tra, phân loại, xử lý chứng từ kế toán theo từng	81	2.100	649	1.451



TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
			<p>81 tín chỉ/2100 giờ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.605 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun bổ trợ: 60 giờ</li> <li>- Khối lượng lý thuyết: 649 giờ; Thực hành, thực tập: 1.366 giờ; Kiểm tra: 85 giờ</li> </ul>	<p>vị trí công việc;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng được chứng từ kế toán trong ghi sổ kế toán chi tiết và tổng hợp;</li> <li>- Lập thành thạo báo cáo tài chính và báo cáo thuế;</li> <li>- Lập được kế hoạch tài chính của tổ chức;</li> <li>- Xây dựng được hệ thống định mức chi phí;</li> <li>- Lập được báo cáo kế toán quản trị của tổ chức;</li> <li>- Kiểm tra, đánh giá được công tác tài chính, kế toán;</li> <li>- Cung cấp đầy đủ thông tin kinh tế về hoạt động sản xuất kinh doanh để phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở tổ chức;</li> <li>- Phân tích được thông tin tài chính để hỗ trợ nhà quản trị tổ chức;</li> <li>- Tham mưu được cho lãnh đạo những ý kiến cải tiến làm cho công tác kế toán và công tác quản lý tài chính đúng pháp luật;</li> <li>- Thiết lập được mối quan hệ với ngân hàng, các tổ chức tín dụng và các cơ quan quản lý chức năng;</li> <li>- Sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp, đọc, soạn thảo tài liệu chứng từ kế toán;</li> <li>- Sử dụng được máy tính, mạng máy tính, phần mềm văn phòng;</li> <li>- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản</li> </ul>				

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
				theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề; - Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.				
18	Dịch vụ pháp lý	Cao đẳng	- Số lượng môn học, mô đun: 35 - Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khoá học: 83 tín chỉ (2.115 giờ) - Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ - Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn, bổ trợ: 1.680 giờ - Khối lượng lý thuyết: 641 giờ; Thực hành, thực tập: 1.390 giờ; Kiểm tra: 84 giờ	- Xây dựng được kế hoạch thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu công việc; - Tra cứu được các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến yêu cầu công việc; - Phát triển được quan hệ và giao tiếp với khách hàng; - Tư vấn cho khách hàng phương án giải quyết một số tình huống pháp luật theo quy định. - Sử dụng, phân tích các kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh trong công việc; - Sử dụng kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực pháp luật về dân sự, hôn nhân gia đình, lao động, kinh doanh, thương mại, để giải quyết các vấn đề pháp luật cụ thể; - Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề; - Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào	83	2.115	641	1.474

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
				một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.				
19	Nuôi trồng thủy sản	Cao đẳng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng môn học, mô đun: 32.</li> <li>- Khối lượng kiến thức toàn khoá học: 81 tín chỉ (2.100 giờ)</li> <li>- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.605 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun bổ trợ: 60 giờ</li> <li>- Khối lượng lý thuyết: 633 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.387 giờ; Kiểm tra 80 giờ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>* Kỹ năng cứng: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận dạng được một số loài động vật thủy sản nuôi, một số thủy sinh vật trong thủy vực.</li> <li>- Nhận dạng và ứng dụng được vi sinh vật trong NTTS.</li> <li>- Thực hiện thành thạo quy trình công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm một số đối tượng ĐVTS có giá trị kinh tế.</li> <li>- Ứng dụng được công nghệ mới trong sản xuất và nuôi thương phẩm ĐVTS như công nghệ lọc tuần hoàn (RAS), biofloc...</li> <li>- Xác định và quản lý được một số yếu tố môi trường trong NTTS.</li> <li>- Chuẩn bị và sử dụng được thức ăn trong NTTS.</li> <li>- Thu hoạch và vận chuyển thành thạo ĐVTS đảm bảo an toàn, hiệu quả.</li> <li>- Áp dụng được biện pháp phòng bệnh tổng hợp; chẩn đoán và trị được một số bệnh thường gặp ở ĐVTS.</li> <li>- Sử dụng được một số loại chế phẩm sinh học, thuốc, hóa chất dùng trong NTTS đảm bảo an toàn và hiệu quả.</li> <li>- Sử dụng được một số loại thiết bị, dụng cụ và các trang thiết bị chuyên dùng trong NTTS đảm bảo an toàn và hiệu quả.</li> </ul> </li> </ul>	81	2.100	633	1.467

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giao tiếp hiệu quả thông qua viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán, tư vấn, bán hàng và chăm sóc khách hàng.</li> <li>- Thực hiện thành thạo biện pháp đảm bảo an toàn và vệ sinh lao động trong NTTS.</li> <li>- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.</li> <li>- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.</li> </ul> <p>* Kỹ năng mềm: Kỹ năng giao tiếp, làm việc theo nhóm, làm việc độc lập, khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học.</p>				
20	Tiếng Anh	Cao đẳng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng môn học, mô đun: 38</li> <li>- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 87 tín chỉ</li> <li>- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.605 giờ</li> <li>- Khối lượng lý</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu được các đặc điểm văn hóa, phong tục tập quán của các quốc gia nói Tiếng Anh;</li> <li>- Vận dụng được kiến thức ngôn ngữ về ngữ pháp, phát âm, từ vựng, cấu trúc Tiếng Anh chuyên ngành được sử dụng trong các lĩnh vực nghề nghiệp của ngành Tiếng Anh để thực hiện các nhiệm vụ trong công việc chuyên môn;</li> <li>- Nghe hiểu để ghi nhận và chuyển tiếp thông tin đơn giản rõ ràng; xác định được ý chính trong các bài nói, cuộc đối thoại, thảo</li> </ul>	87	2.100	675	1425

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
			<p>thuyết: 675 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.343 giờ; Kiểm tra: 82 giờ</p>	<p>luận;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe hiểu và phân biệt được các ý chi tiết để điền mẫu đơn, bảng biểu và ghi chú;</li> <li>- Giao tiếp, trao đổi thông tin, trình bày ý kiến về các vấn đề hàng ngày trong các tình huống trong kinh doanh và hoạt động doanh nghiệp, văn phòng, du lịch, khách sạn, nhà hàng;</li> <li>- Thuyết trình, giao tiếp và thương lượng với khách hàng trong lĩnh vực tư vấn và chăm sóc khách hàng, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; giải quyết các phàn nàn và sự cố của khách hàng;</li> <li>- Thuyết trình và báo cáo được công việc bằng Tiếng Anh;</li> <li>- Đọc hiểu, phân loại, sắp xếp và đánh giá các tài liệu tiếng Anh trao đổi thông tin thông thường hoặc tài liệu Tiếng Anh trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, văn phòng, du lịch, khách sạn, nhà hàng;</li> <li>- Đánh giá được các loại hợp đồng và văn kiện thương mại, thư tín thương mại và email;</li> <li>- Soạn thảo các hợp đồng, thư tín và email bằng Tiếng Anh;</li> <li>- Viết báo cáo so sánh, đối chiếu các bảng biểu dữ liệu trong kinh doanh thương mại, dịch vụ; viết biên bản cho các buổi họp có sử dụng Tiếng Anh;</li> </ul>				

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên dịch được các tài liệu thông thường bằng Tiếng Anh;</li> <li>- Tổ chức, sắp xếp các sự kiện, hội thảo, hội họp, tài liệu, xây dựng lịch làm việc theo yêu cầu của đối tác hai bên;</li> <li>- Tiếp nhận, đánh giá và giải quyết các tình huống phát sinh, các sự cố trong công việc;</li> <li>- Sử dụng thành thạo từ vựng và cấu trúc câu Tiếng Anh chuyên ngành trong công việc văn phòng, học vụ và biên dịch;</li> <li>- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;</li> <li>- Có năng lực nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến ngôn ngữ, văn học, văn hóa hoặc xã hội;</li> <li>- Có khả năng thích ứng với môi trường làm việc đa văn hóa;</li> <li>- Sử dụng được Tiếng Anh đạt bậc 4/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.</li> </ul>				

## II. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
1	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng môn học, mô đun: 24</li> <li>- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khoá học: 60 tín chỉ (1.575 giờ)</li> <li>- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.260 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun bổ trợ: 60 giờ</li> <li>- Khối lượng lý thuyết: 455 giờ; Thực hành, thực tập: 1.059 giờ; Kiểm tra: 61 giờ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết lập được mối quan hệ tốt với ngân hàng và các cơ quan quản lý chức năng;</li> <li>- Lập được chứng từ, kiểm tra, phân loại, xử lý được chứng từ kế toán theo từng vị trí công việc;</li> <li>- Sử dụng được chứng từ kế toán trong ghi sổ kế toán chi tiết và sổ kế toán tổng hợp;</li> <li>- Lập được báo cáo tài chính và báo cáo thuế của doanh nghiệp;</li> <li>- Cung cấp đầy đủ thông tin kinh tế về hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị để phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở đơn vị;</li> <li>- Báo cáo với lãnh đạo, đề xuất các giải pháp kinh tế, tài chính cho đơn vị tuân thủ đúng pháp luật, đồng thời mang lại hiệu quả cao cho doanh nghiệp;</li> <li>- Áp dụng được kiến thức chuyên môn nghề để điều chỉnh số liệu kế toán sau khi quyết toán hoặc kiểm toán yêu cầu;</li> <li>- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; sử dụng thành thạo phần mềm kế toán doanh nghiệp thông dụng; sử dụng được phần mềm hỗ trợ kê khai thuế, sử dụng được chữ ký số khi nộp tờ khai, nộp thuế điện tử;</li> <li>- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc</li> </ul>	60	1.575	455	1.120

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/Tích hợp
				1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.				
2	Nghiep vụ lễ tân	Trung cấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng môn học, mô đun: 22</li> <li>- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 59 tín chỉ/1.410 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn, bổ trợ: 1.155 giờ</li> <li>- Khối lượng lý thuyết: 363 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 996 giờ; Kiểm tra: 51 giờ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị ca làm việc đúng tiêu chuẩn quy định tại các cơ sở lưu trú;</li> <li>- Thực hiện quy trình nhận nhận đặt buồng cho khách đúng tiêu chuẩn theo quy định tại các cơ sở lưu trú;</li> <li>- Thực hiện quy trình đăng ký lưu trú cho khách đúng tiêu chuẩn theo quy định tại các cơ sở lưu trú;</li> <li>- Thực hiện quy trình phục vụ khách lưu trú cho khách đúng tiêu chuẩn theo quy định tại các cơ sở lưu trú;</li> <li>- Thực hiện quy trình thanh toán và trả buồng cho khách đúng tiêu chuẩn theo quy định tại các cơ sở lưu trú;</li> <li>- Tổ chức, thực hiện được các sự kiện nhỏ;</li> <li>- Giải quyết các yêu cầu khác của khách đúng tiêu chuẩn theo quy định tại các cơ sở lưu trú;</li> <li>- Phối hợp hiệu quả với các bộ phận khác tại cơ sở lưu trú trong quá trình phục vụ khách;</li> <li>- Giao tiếp lịch sự, thân thiện bằng tiếng Việt và tiếng Anh với khách hàng, cấp trên và đồng nghiệp;</li> <li>- Sử dụng thành thạo tin học văn phòng, phần mềm quản lý khách sạn, khai thác và sử dụng internet trong công việc;</li> </ul>	59	1.410	363	1.047



TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;</li> <li>- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam, ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.</li> </ul>				
3	Quản lý và kinh doanh du lịch	Trung cấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng môn học, mô-đun: 30</li> <li>- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 86 tín chỉ</li> <li>- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô-đun chuyên môn: 1665 giờ</li> <li>- Khối lượng lý thuyết: 687 giờ; Thực hành, thực tập: 1.329 giờ; Kiểm tra: 84 giờ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khảo sát thị trường theo kế hoạch được phân công và hỗ trợ xây dựng kế hoạch tổ chức bán sản phẩm dịch vụ du lịch và lữ hành;</li> <li>- Thiết kế được sản phẩm dịch vụ du lịch và sản phẩm dịch vụ lữ hành phù hợp với yêu cầu của khách hàng;</li> <li>- Thực hiện quảng cáo, tư vấn khách hàng, tham gia bán sản phẩm dịch vụ du lịch và lữ hành;</li> <li>- Thực hiện chăm sóc khách hàng và giải quyết phàn nàn của khách hàng một cách hiệu quả;</li> <li>- Thiết lập và duy trì các mối quan hệ với các nhà cung ứng dịch vụ;</li> <li>- Thực hiện được thao tác nghiệp vụ thanh toán, các giao dịch với các nhà cung ứng dịch vụ và khách hàng;</li> <li>- Giao tiếp hiệu quả với đồng nghiệp, đối tác và khách du lịch;</li> </ul>	60	1.410	459	951

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/Tích hợp
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;</li> <li>- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.</li> </ul>				
4	Kỹ thuật chế biến món ăn	Trung cấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng môn học, mô đun: 22</li> <li>- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 60 tín chỉ/ 1.410 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn, tự chọn, bổ trợ: 1.155 giờ</li> <li>- Khối lượng lý thuyết: 424 giờ; Thực hành, thực tập: 924 giờ; Kiểm tra:</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện chế biến món ăn theo định mức chế biến tại bộ phận;</li> <li>- Sử dụng và bảo quản nguyên liệu thực phẩm chế biến đúng kỹ thuật;</li> <li>- Thực hiện việc sơ chế nguyên liệu thực phẩm theo đúng các nguyên tắc quy trình kỹ thuật;</li> <li>- Chế biến được các món ăn trong thực đơn Á, Âu, tiệc... để phục vụ khách trong các nhà hàng;</li> <li>- Phối hợp với bộ phận bàn trong quá trình phục vụ khách ăn uống;</li> <li>- Dự tính, hạn chế các tình huống phát sinh trong lĩnh vực mà mình tham gia; phân tích đánh giá và đưa ra giải pháp xử lý các tình huống trong quá trình chế biến món ăn;</li> <li>- Đưa ra được các quyết định kỹ thuật trong phạm vi giới hạn chuyên môn đã được đào tạo;</li> <li>- Thực hiện các công việc của nghề bảo</li> </ul>	60	1.410	424	986

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
				<p>đảm vệ sinh, an toàn, an ninh và bảo vệ môi trường... đáp ứng nhu cầu của khách du lịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vệ sinh dụng cụ ăn uống của thực khách, phục vụ thực khách ăn uống tại nhà hàng;</li> <li>- Thực hiện đúng các nguyên tắc về an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy trong quá trình chế biến món ăn;</li> <li>- Tổ chức công việc và tham gia làm việc theo nhóm nhỏ, có khả năng phối hợp với những vị trí khác có liên quan trong công việc;</li> <li>- Kiểm tra, giám sát chuyên môn và hướng dẫn kỹ thuật đối với nhân viên mới, thực tập sinh ... trong phạm vi giới hạn chuyên môn được đào tạo;</li> <li>- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam, ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.</li> </ul>				
5	Kỹ thuật pha chế đồ uống	Trung cấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng môn học, mô đun: 22</li> <li>- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 60 tín chỉ/ 1.410 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học,</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sắp xếp được các trang thiết bị, dụng cụ quây bar một cách hợp lý, gọn gàng, thuận tiện và an toàn cho công việc;</li> <li>- Sử dụng đúng, an toàn các loại trang thiết bị, dụng cụ quây bar;</li> <li>- Sắp xếp, trưng bày được đồ uống và các nguyên vật liệu pha chế;</li> <li>- Pha chế và phục vụ các loại đồ uống</li> </ul>	60	1.410	417	993

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/Tích hợp
			<p>mô đun chuyên môn, bổ trợ và tự chọn: 1.155 giờ</p> <p>- Khối lượng lý thuyết: 417 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 928 giờ; Kiểm tra: 65 giờ</p>	<p>không còn theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và mỹ thuật;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân loại, nhận biết được các loại rượu thông qua màu sắc và mùi vị;</li> <li>- Pha chế và phục vụ các loại đồ uống có cồn theo đúng định lượng, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật và mỹ thuật;</li> <li>- Thực hiện quy trình pha chế và phục vụ đồ uống cho khách theo đúng tiêu chuẩn, đảm bảo an toàn;</li> <li>- Thực hiện được quy trình làm vệ sinh, bảo dưỡng các loại trang thiết bị, dụng cụ theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật;</li> <li>- Thực hiện được quy trình phục vụ khách ăn uống tại nhà hàng;</li> <li>- Sử dụng các loại nguyên liệu pha chế một cách hợp lý và tiết kiệm;</li> <li>- Đảm bảo vệ sinh, an toàn, an ninh và bảo vệ môi trường đáp ứng nhu cầu;</li> <li>- Thực hiện đúng các nguyên tắc về an toàn lao động, xử lý, phòng cháy, chữa cháy, trong quá trình pha chế và phục vụ đồ uống;</li> <li>- Giải quyết được các tình huống phát sinh trong quá trình pha chế và phục vụ khách;</li> <li>- Xây dựng được các danh mục đồ uống phù hợp với các đối tượng khách cụ thể;</li> <li>- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của</li> </ul>				

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/Tích hợp
				Việt Nam, ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.				
6	Pháp luật	Trung cấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng môn học: 27</li> <li>- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khoá học: 56 tín chỉ (1.425 giờ)</li> <li>- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn, bổ trợ: 1.170 giờ</li> <li>- Khối lượng lý thuyết: 415 giờ; Thực hành, thực tập: 957 giờ; Kiểm tra: 53 giờ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng được kế hoạch thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu công việc;</li> <li>- Sử dụng được kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất trong công việc;</li> <li>- Phân tích được các nhóm quan hệ pháp luật;</li> <li>- Tra cứu, cập nhập được các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến yêu cầu công việc;</li> <li>- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;</li> <li>- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam; ứng dụng ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.</li> </ul>	56	1.425	415	1.010
7	Nghiệp vụ nhà hàng	Trung cấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng môn học, mô đun: 21</li> <li>- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 57 tín chỉ/1.410 giờ.</li> <li>- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện đúng quy trình phục vụ khách hàng tại các vị trí việc làm phục vụ bàn, pha chế và phục vụ đồ uống, tiếp tân nhà hàng, theo tiêu chuẩn của nhà hàng;</li> <li>- Sử dụng đúng và an toàn các loại trang thiết bị, dụng cụ nhà hàng;</li> <li>- Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo</li> </ul>	57	1.410	333	1.077

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn, bổ trợ và tự chọn: 1.155 giờ</li> <li>- Khối lượng lý thuyết: 333 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1031 giờ; Kiểm tra: 46 giờ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.</li> <li>- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam, ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.</li> </ul>				
8	Công nghệ ô tô	Trung cấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng môn học, mô đun: 26</li> <li>- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 67 tín chỉ/1.650 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.395 giờ</li> <li>- Khối lượng lý thuyết: 550 giờ; Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận: 1.031 giờ; Kiểm tra: 69 giờ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc được bản vẽ kỹ thuật đơn giản; tra cứu được các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô;</li> <li>- Lựa chọn đúng và sử dụng thành thạo các loại dụng cụ, thiết bị tháo, lắp, đo và kiểm tra cơ bản trong ngành, nghề Công nghệ ô tô; bảo quản thiết bị và dụng cụ liên quan đến ngành, nghề công nghệ ô tô;</li> <li>- Kiểm tra những sai hỏng của các cụm chi tiết, hệ thống cơ bản trên ô tô;</li> <li>- Lập được các quy trình tháo, lắp đơn giản của các bộ phận, hệ thống cơ bản trên ô tô;</li> <li>- Lập được quy trình bảo dưỡng, sửa chữa đơn giản phù hợp với từng chi tiết, bộ phận, hệ thống và loại ô tô;</li> <li>- Thực hiện các công việc bảo dưỡng, sửa chữa đúng quy trình, quy phạm và đảm bảo kỹ thuật;</li> <li>- Tổ chức và quản lý quá trình bảo dưỡng,</li> </ul>	67	1.650	550	1.100

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
				<p>sửa chữa tương ứng với trình độ được đào tạo;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận hành được ô tô đúng luật, đúng yêu cầu kỹ thuật và đảm bảo an toàn;</li> <li>- Đào tạo, bồi dưỡng được về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cho người học ở trình độ thấp hơn;</li> <li>- Kỹ năng sử dụng các thuật ngữ chuyên môn của ngành, nghề đào tạo trong giao tiếp hiệu quả tại nơi làm việc; phân biệt và sử dụng các giải pháp thay thế; đánh giá chất lượng các công việc đơn giản và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;</li> <li>- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;</li> <li>- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.</li> </ul>				
9	Nông nghiệp công nghệ cao	Trung cấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng môn học, mô đun: 23</li> <li>- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khoá học: 52 tín chỉ /1.440 giờ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được các bước trong quy trình trồng cây rau, cây ăn quả, hoa, cây cảnh và một số cây công nghiệp, cây lương thực;</li> <li>- Sử dụng được các máy móc, thiết bị</li> </ul>	52	1.440	429	1.011

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/Tích hợp
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khối lượng các môn học chung: 12 tín chỉ/255 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 36 tín chỉ/1.125 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun bổ trợ: 4 tín chỉ/60 giờ</li> <li>- Khối lượng lý thuyết: 429 giờ; thực hành, thực tập, bài tập, thảo luận: 960 giờ; kiểm tra: 51 giờ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>công nghệ cao trong trồng, chăm sóc các loại cây trồng;</li> <li>- Làm giá thể và pha chế dinh dưỡng cho cây trồng trong nhà lưới, nhà kính, thủy canh;</li> <li>- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định, ứng dụng được CNTT trong sản xuất nông nghiệp;</li> <li>- Sử dụng ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam;</li> <li>- Vận dụng kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc nghề nghiệp và hoạt động xã hội thuộc lĩnh vực nông nghiệp.</li> </ul>				
10	Lâm nghiệp	Trung cấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng môn học, mô đun: 23</li> <li>- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 50 tín chỉ (1.410 giờ)</li> <li>- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ (12 TC)</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1095 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun bổ trợ: 60 giờ</li> <li>- Khối lượng lý thuyết: 482 giờ; Thực hành, thực tập,</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng được dụng cụ, máy đo đạc và một số phần mềm chuyên ngành trong công tác quản lý tài nguyên rừng, đất rừng, xây dựng bản đồ lâm nghiệp;</li> <li>- Thực hiện được việc sản xuất một số loài cây giống nông lâm nghiệp;</li> <li>- Thực hiện được một số nội dung công việc trồng, chăm sóc, nuôi dưỡng, phục hồi rừng; phòng trừ sinh vật gây hại rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng, phòng chống người và gia súc phá hại rừng;</li> <li>- Nhận biết được một số loài động vật, thực vật rừng;</li> <li>- Tham gia lập được một số loại hồ sơ liên quan đến lĩnh vực lâm nghiệp;</li> </ul>	50	1.410	482	928



TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/Tích hợp
			thí nghiệm: 879 giờ; Kiểm tra: 49 giờ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuyên truyền, vận động cộng đồng dân cư tham gia thực hiện đúng các quy định pháp luật về lâm nghiệp;</li> <li>- Tham gia điều hành được hoạt động sản xuất ở mức độ nhóm, tổ; thực hiện kỹ thuật lâm sinh, làm các công việc của khuyến lâm viên cơ sở;</li> <li>- Tổ chức sản xuất kinh doanh trang trại lâm nghiệp;</li> <li>- Áp dụng các quy định, các biện pháp đảm bảo an toàn lao động, sơ cứu được người bị tai nạn lao động, ốm đau trong sản xuất lâm nghiệp;</li> <li>- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;</li> <li>- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.</li> </ul>				
11	Chăn nuôi thú y	Trung cấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng môn học, mô đun: 26</li> <li>- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 58 tín chỉ</li> <li>- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.275</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng thành thạo các phương tiện, thiết bị chăn nuôi và các loại thuốc thú y để phòng, trị bệnh cho vật nuôi đạt hiệu quả cao;</li> <li>- Thực hiện được việc nhân giống, chăm sóc, nuôi dưỡng và chẩn đoán bệnh cho vật nuôi thông qua triệu chứng lâm sàng, bệnh tích và dịch tễ;</li> </ul>	58	1.590	421	1.169

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
			<p>giờ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun bổ trợ: 60 giờ</li> <li>- Khối lượng lý thuyết: 421 giờ; Thực hành, thực tập, bài tập: 1.114 giờ; Kiểm tra: 55 giờ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được các bước mở cửa hàng kinh doanh thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi.</li> <li>- Kinh doanh thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y đảm bảo hiệu quả, an toàn, vệ sinh môi trường và đúng pháp luật.</li> <li>- Thực hiện được các công việc sử dụng thức ăn, chế biến và quản lý thức ăn cho gia súc gia cầm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm;</li> <li>- Lập được quy trình phòng bệnh cho đàn vật nuôi hiệu quả;</li> <li>- Thực hiện được việc theo dõi sức khỏe ban đầu đối với đàn gia súc, gia cầm nhằm phát hiện trường hợp bất thường để có biện pháp xử lý khi cần thiết;</li> <li>- Thực hiện được các bước công việc trong quy trình ấp trứng gia cầm đạt yêu cầu kỹ thuật;</li> <li>- Tổ chức và thực hiện được các hoạt động kinh doanh thức ăn, giống vật nuôi, dụng cụ, thiết bị chăn nuôi đạt hiệu quả;</li> <li>- Thực hiện được công tác thú y trong các cơ sở chăn nuôi, hệ thống khuyến nông địa phương.</li> <li>- Tuyên truyền vận động cộng đồng tham gia thực hiện các phương án phòng bệnh cho vật nuôi;</li> <li>- Cập nhật, chia sẻ các thông tin, công nghệ mới trong lĩnh vực chăn nuôi- thú y</li> </ul>				

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
				<p>để đáp ứng tốt nhiệm vụ được giao.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ghi được nhật ký công việc, lập báo cáo nội dung, tiến độ công việc. Thực hiện được các biện pháp an toàn lao động và vệ sinh thú y.</li> <li>- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;</li> <li>- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.</li> </ul>				
12	Quản lý đất đai	Trung cấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng môn học, mô đun: 24</li> <li>- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khoá học: 54 tín chỉ/1.410 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học chung: 12 tín chỉ/255 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 38 tín chỉ/1.095 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun bổ trợ: 4 tín chỉ/60 giờ</li> <li>- Khối lượng lý thuyết: 425 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 932 giờ; kiểm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng các loại máy trắc địa để đo đạc, lập bản đồ địa chính và các loại bản đồ chuyên đề;</li> <li>- Kỹ năng chuyên môn: Vận dụng một số hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định khác trong công tác: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đánh giá đất;</li> <li>+ Đo đạc địa chính, đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thống kê, kiểm kê đất đai, xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất;</li> <li>- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai, thanh tra, kiểm tra và giải quyết tranh chấp về đất đai, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý và sử dụng</li> </ul> </li> </ul>	54	1.410	425	985

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
			tra: 53 giờ.	đắt - Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề; - Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.				
13	Cắt gọt kim loại	Trung cấp	- Số lượng môn học, mô đun: 26 - Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 66 Tín chỉ/1.680 giờ - Khối lượng các môn học chung: 255 giờ - Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn, bổ trợ: 1.485 giờ - Khối lượng lý thuyết: 427 giờ; Thực hành, thực tập: 1.188 giờ; Kiểm tra: 65 giờ	- Vẽ được bản vẽ chi tiết gia công và bản vẽ lắp; - Thực hiện được các biện pháp an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; - Sử dụng thành thạo các trang thiết bị, dụng cụ cắt cầm tay; - Sử dụng thành thạo các loại dụng cụ đo thông dụng và phổ biến của nghề; - Sử dụng thành thạo các loại máy công cụ để gia công các loại chi tiết máy thông dụng và cơ bản đạt cấp chính xác từ cấp 8 đến cấp 10, độ nhám từ Rz20 đến Ra5, đạt yêu cầu kỹ thuật, đúng thời gian đã định, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho người và máy; - Có khả năng vận hành, điều chỉnh máy gia công những công nghệ phức tạp (khi được thợ bậc cao hoặc cán bộ kỹ thuật trong phân xưởng, nhà máy hướng dẫn	66	1.680	427	1.253

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
				<p>phương pháp gia công) đạt cấp chính xác từ cấp 9 đến cấp 11, độ nhám từ Rz20 đến Ra5, đạt yêu cầu kỹ thuật, đúng thời gian đã định, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho người và máy;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát hiện và sửa chữa được các sai hỏng thông thường của máy, đồ gá và vật gia công;</li> <li>- Chế tạo và mài được các dụng cụ cắt đơn giản;</li> <li>- Vận hành và điều chỉnh được các máy công cụ điều khiển số (tiện phay CNC) để gia công các loại chi tiết máy đạt cấp chính xác từ cấp 8 đến cấp 10, độ nhám từ Rz20 đến Ra5, đạt yêu cầu kỹ thuật, đúng thời gian đã định, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho người và máy.</li> <li>- Sử dụng được các thuật ngữ chuyên môn của nghề Cắt gọt kim loại, trong giao tiếp, giải quyết công việc; phân biệt và sử dụng các giải pháp thay thế; đánh giá được chất lượng công việc và kết quả thực hiện khi làm việc theo nhóm;</li> </ul>				
14	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Trung cấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng môn học, môn đun: 24</li> <li>- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 59 tín chỉ (1.425 giờ)</li> <li>- Khối lượng các môn học</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc và phát hiện được các lỗi thông thường trong của bản vẽ kỹ thuật, thi công xây dựng;</li> <li>- Lựa chọn được vật liệu, phương tiện,... theo quy chuẩn công nghệ xây dựng;</li> <li>- Sử dụng thành thạo các loại máy, dụng</li> </ul>	59	1.425	397	1.028

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/Tích hợp
			<p>chung/đại cương: 255 giờ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn, bổ trợ: 1.170 giờ</li> <li>- Khối lượng lý thuyết: 397 giờ</li> <li>- Thực hành, thực tập, bài tập, thảo luận: 968 giờ</li> <li>- Kiểm tra: 60 giờ</li> </ul>	<p>cụ và một số thiết bị chuyên dùng trong nghề xây dựng;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm được các công việc của nghề kỹ thuật xây dựng như: đào móng, xây gạch, trát, lát, láng, ốp, gia công, lắp dựng và tháo dỡ cốt pha, giàn giáo, gia công lắp đặt cốt thép, trộn đồ đầm bê tông, bả mát tít, sơn vôi, và một số công việc khác: lắp đặt mạng điện sinh hoạt, lắp đặt đường ống cấp, thoát nước trong nhà theo yêu cầu kỹ thuật;</li> <li>- Tính toán được khối lượng, vật liệu, nhân công và dự toán kinh phí cho các công việc được giao;</li> <li>- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng tin trong công nghệ thông tin công việc chuyên môn của ngành, nghề;</li> <li>- Có năng lực ngoại ngữ bậc 1/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.</li> </ul>				
15	Công nghệ kỹ thuật Điện – Điện tử	Trung cấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng môn học, mô đun: 28</li> <li>- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 66 tín chỉ/1.590 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 12 tín chỉ/255 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học,</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc được các bản vẽ kỹ thuật của nghề (Bản vẽ sơ đồ nguyên lý, bản vẽ sơ đồ lắp đặt,); thống kê được thiết bị, vật tư và linh kiện cần cho mạch điện;</li> <li>- Sử dụng thành thạo các dụng cụ hỗ trợ cầm tay nghề điện, điện tử;</li> <li>- Lắp ráp được các mạch điện tử cơ bản;</li> <li>- Thực hiện lắp đặt thiết bị điện, điện tử;</li> <li>- Đo, kiểm tra, sửa chữa các thiết bị điện,</li> </ul>	66	1.590	413	1.177

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
			<p>mô đun chuyên môn: 50 tín chỉ/1.275 giờ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun bổ trợ: 4 tín chỉ/ 60 giờ</li> <li>- Khối lượng lý thuyết: 413 giờ; Thực hành, thực tập: 1.113 giờ; Kiểm tra: 64 giờ</li> </ul>	<p>điện tử cơ bản trong công nghiệp và dân dụng;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thi công, vận hành đúng quy trình hệ thống phân phối cung cấp điện;</li> <li>- Lắp đặt, vận hành đúng quy trình hệ thống điện dân dụng và công nghiệp;</li> <li>- Lắp đặt, lập trình ứng dụng PLC trong các hệ thống đơn giản.</li> <li>- Giải đáp được các thắc mắc, từ đó lập được kế hoạch cung cấp các yêu cầu và lựa chọn được sản phẩm đáp ứng nhu cầu cho khách hàng;</li> <li>- Hỗ trợ các thành viên trong nhóm để đảm bảo đạt mục tiêu đã đề ra;</li> <li>- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;</li> <li>- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.</li> </ul>				
16	Điện công nghiệp	Trung cấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng môn học, mô đun: 21</li> <li>- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 59 tín chỉ; tổng số: 1.400 giờ; Trong đó:</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vận hành an toàn và thao tác đúng trình tự đóng cắt các hệ thống điện công nghiệp.</li> <li>+ Đọc các bản vẽ thiết kế, sửa chữa và cải tiến hệ thống điện công nghiệp.</li> <li>+ Lập quy trình, tổ chức lắp đặt, kiểm tra,</li> </ul>	59	1.400	404	996

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/Tích hợp
			+ Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ + Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.085 giờ + Khối lượng các môn học, mô đun bổ trợ: 60 giờ - Khối lượng lý thuyết: 404 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 940 giờ; Kiểm tra: 56 giờ.	bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa những hư hỏng phức tạp của hệ thống điện công nghiệp. + Đánh giá được việc sử dụng năng lượng điện trong nhà máy, phân xưởng, đưa ra các biện pháp tiết kiệm điện năng. + Có khả năng tiếp thu, tổ chức và thực hiện chuyển giao công nghệ. + Có kỹ năng truyền đạt hiệu quả các thông tin, các ý tưởng, giải pháp đến người khác thuộc lĩnh vực nghề Điện công nghiệp;				
17	Mộc xây dựng và trang trí nội thất	Trung cấp	- Số môn học, mô đun: 23 - Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 55 tín chỉ/1.440 giờ - Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ - Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.125 giờ - Khối lượng các môn học, mô đun bổ trợ: 60 giờ - Khối lượng lý thuyết: 375 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 976 giờ; Kiểm tra: 89 giờ	- Nhận biết được các loại gỗ thường dùng trong sản xuất đồ mộc xây dựng và trang trí nội thất; - Chọn gỗ và các nguyên vật liệu khác phù hợp với yêu cầu của sản phẩm mộc; - Đọc được bản vẽ tổng thể và bản vẽ chi tiết của nghề mộc xây dựng và trang trí nội thất; - Sử dụng thành thạo các dụng cụ thủ công và máy chế biến gỗ để gia công các sản phẩm mộc dân dụng; - Gia công được các sản phẩm mộc gắn liền với các công trình xây dựng như: khuôn cửa, cánh cửa, ván khuôn, cầu thang, tủ bếp, tủ tường, ván ốp lát dầm sàn trần tường, sừn mái dốc đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật.	55	1.440	375	1.065
18	Điện tử công	Trung cấp	-Số lượng môn học, mô	- Sử dụng được các thiết bị đảm bảo an	57	1.410	374	1.036



TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/Tích hợp
	ngành		<p>đơn: 25</p> <p>-Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 58 tín chỉ /1.410 giờ</p> <p>-Khối lượng môn học chung/đại cương: 255 giờ</p> <p>-Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.095 giờ</p> <p>-Khối lượng các môn học bổ trợ: 60 giờ</p> <p>-Khối lượng lý thuyết: 369 giờ; Thực hành, thực tập, bài tập: 1013 giờ; Kiểm tra: 58 giờ</p>	<p>toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ của nghề Điện tử công nghiệp;</p> <p>- Đọc được các bản vẽ kỹ thuật trong lĩnh vực điện tử công nghiệp (bản vẽ chi tiết, bản vẽ sơ đồ lắp, bản vẽ sơ đồ nguyên lý);</p> <p>- Vận hành được các thiết bị điện, điện tử trong dây chuyền công nghiệp;</p> <p>- Lắp đặt, kết nối được các thiết bị điện tử trong dây chuyền công nghiệp theo quy định;</p> <p>- Bảo trì, sửa chữa được các thiết bị điện tử theo yêu cầu công việc;</p> <p>- Thay thế được các mạch điện ứng dụng;</p> <p>- Sử dụng được các phần mềm chuyên ngành Điện tử công nghiệp;</p> <p>- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;</p> <p>- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.</p>				
19	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	Trung cấp	<p>- Số lượng môn học, mô đun: 25</p> <p>- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 70 tín chỉ; tổng số: 1.665 giờ; Trong</p>	<p>* Kỹ năng cứng:</p> <p>Đạt bậc 2/5 tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, với những kỹ năng cụ thể sau:</p> <p>- Đọc được các bản vẽ kỹ thuật, sơ đồ thiết kế, lắp đặt trong hệ thống lạnh;</p>	70	1.665	449	1.216

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/Tích hợp
			<p>đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ</li> <li>+ Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.350 giờ</li> <li>+ Khối lượng các môn học, mô đun bổ trợ: 60 giờ</li> <li>- Khối lượng lý thuyết: 449 giờ; Thực hành, thực tập: 1.117 giờ; Kiểm tra: 99 giờ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lựa chọn, sử dụng được các dụng cụ, thiết bị chính trong nghề;</li> <li>- Giám sát và thực hiện được công tác an toàn trong lĩnh vực của nghề;</li> <li>- Lắp đặt, vận hành được hệ thống máy lạnh công nghiệp, dân dụng đảm bảo an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt hiệu quả tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu;</li> <li>- Lắp đặt, vận hành được các hệ thống điều hòa không khí đảm bảo an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt hiệu quả, tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu;</li> <li>- Bảo trì, bảo dưỡng được các hệ thống lạnh đảm bảo an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt hiệu quả, tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu;</li> <li>- Kiểm tra được các thông số kỹ thuật hệ thống thiết bị, thiết bị, nguyên vật liệu chuyên ngành đầu vào;</li> <li>- Sửa chữa được các hư hỏng về cơ, điện, lạnh trong các các hệ thống lạnh;</li> <li>- Sửa chữa được một số hư hỏng thông thường về điều khiển điện tử trong hệ thống lạnh;</li> <li>- Đánh giá được tác động môi trường của môi chất lạnh và các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường khi thực hiện các công việc của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí;</li> </ul>				

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/Tích hợp
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có khả năng tiếp thu, tổ chức và thực hiện chuyển giao công nghệ;</li> <li>- Đề xuất được phương án tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu phế thải khi thực hiện các lĩnh vực của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí;</li> <li style="padding-left: 20px;">* Kỹ năng mềm:</li> <li>- Có kỹ năng giao tiếp, truyền đạt hiệu quả các thông tin, ý tưởng, giải pháp tới người khác tại nơi làm việc.</li> <li>- Có kỹ năng phân tích và xử lý thông tin.</li> <li>- Có kỹ năng giao tiếp chuyên môn và xã hội linh hoạt.</li> <li>- Có kỹ năng thuyết trình, giao tiếp ứng xử, kỹ năng làm việc theo nhóm.</li> <li>- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;</li> <li>- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề đào tạo.</li> </ul>				
20	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Trung cấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng môn học, môn đun: 25</li> <li>- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 56 tín chỉ</li> <li>- Khối lượng các môn học</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đạt bậc 4 khung trình độ quốc gia Việt Nam với những kỹ năng cụ thể:</li> <li>- Chuyển được ký hiệu dung sai thành các kích thước tương ứng để gia công theo yêu cầu;</li> <li>- Sử dụng được các dụng cụ cắt</li> </ul>	56	1.440	419	1.021

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
			<p>chung: 255 giờ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.125 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun bổ trợ: 60 giờ</li> <li>- Khối lượng lý thuyết: 419 giờ; Thực hành, thực tập: 960 giờ, kiểm tra: 61 giờ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- cầm tay như: Đục, giũa các mặt phẳng, khoan lỗ, cắt ren bằng bàn ren, ta rô, cưa tay;</li> <li>- Sử dụng thành thạo một hoặc nhiều loại máy công cụ như: máy tiện vạn năng, máy phay vạn năng, máy bào - máy xọc, máy mài, máy khoan - máy doa, máy tiện CNC, máy phay CNC;</li> <li>- Sử dụng được các dụng cụ kiểm tra, dụng cụ đo;</li> <li>- Mài được một số loại dao tiện, dao phay, dao bào, mũi khoan đúng yêu cầu kỹ thuật;</li> <li>- Gia công được một số chi tiết máy định hình trên máy tiện vạn năng, máy phay vạn năng, máy bào - máy xọc, máy mài, máy khoan - máy doa, máy tiện CNC, máy phay CNC theo yêu cầu;</li> <li>- Hàn được các mối ghép hàn ở các vị trí 1,2,3,4G; 1,2,3,4F bằng phương pháp hàn hồ quang tay.</li> <li>- Sử dụng thành thạo các kỹ năng hàn Tig; Mig/Mag cơ bản.</li> <li>- Kiểm tra chất lượng sản phẩm theo đúng quy định;</li> <li>- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;</li> </ul>				

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/Tích hợp
				- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.				
21	Điện dân dụng	Trung cấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng môn học, mô đun: 25</li> <li>- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 59 tín chỉ; tổng số: 1.515 giờ; Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ</li> <li>+ Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.200 giờ</li> <li>+ Khối lượng các môn học bổ trợ: 60 giờ</li> <li>+ Khối lượng lý thuyết: 433 giờ; Thực hành, thực tập: 1.023 giờ; Kiểm tra: 59 giờ</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp đặt được các hệ thống bảo vệ an toàn trong công nghiệp và dân dụng. Biết sơ cứu nạn nhân bị tai nạn lao động, bị điện giật;</li> <li>- Lắp đặt, kiểm tra, sửa chữa hệ thống điện dân dụng và các thiết bị điện gia dụng như: hệ thống điện căn hộ, bàn là, nồi cơm điện, bình nước nóng, máy giặt, máy bơm nước, máy phát điện 1 pha;</li> <li>- Thi công các công trình điện chiếu sáng dân dụng đúng yêu cầu kỹ thuật;</li> <li>- Sử dụng thành thạo các dụng cụ đo, kiểm tra điện và phát hiện kịp thời các sự cố về điện;</li> <li>- Biết vẽ mạch in và lắp đặt các mạch điện tử ứng dụng trong các thiết bị điện gia dụng.</li> <li>- Sử dụng hiệu quả và tiết kiệm năng lượng;</li> <li>- Biết sử dụng thành thạo các kỹ năng mềm;</li> <li>- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định;</li> <li>- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.</li> </ul>	63	1.515	420	1.095

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/Tích hợp
22	Công nghệ hàn	Trung cấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng môn học, mô đun: 24</li> <li>- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 57 Tín chỉ/1.400 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học chung: 255 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn, bổ trợ: 1.145 giờ</li> <li>- Khối lượng lý thuyết: 375 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 969giờ</li> <li>- Kiểm tra: 56 giờ</li> </ul>	<p>Đạt bậc 4 khung trình độ quốc gia Việt Nam với những kỹ năng cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc được các ký hiệu vật liệu hàn, ký hiệu mối hàn, vị trí hàn trong các bản vẽ;</li> <li>- Chế tạo được phôi hàn theo yêu cầu kỹ thuật của bản vẽ bằng mỏ cắt khí bằng tay, máy cắt khí con rùa;</li> <li>- Gá lắp được các kết cấu hàn theo các vị trí khác nhau theo yêu cầu kỹ thuật;</li> <li>- Đấu nối, vận hành, điều chỉnh được chế độ hàn trên các thiết bị hàn SMAW, GMAW, GTAW;</li> <li>- Hàn được các mối hàn bằng phương pháp hàn SMAW từ kết cấu đơn giản đến phức tạp các thép các bon thường, mối hàn đạt chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của bản vẽ;</li> <li>- Hàn được các mối hàn GMAW các vị trí hàn từ 1F - 3F và từ 1G - 3G đảm bảo yêu cầu kỹ thuật;</li> <li>- Hàn được các mối hàn bằng phương pháp hàn GTAW cơ bản;</li> <li>- Sửa chữa được một số mối hàn bị sai hỏng, xác định được nguyên nhân và biện pháp khắc phục đề phòng;</li> <li>- Bảo dưỡng được thiết bị, dụng cụ và phòng chống cháy nổ của nghề hàn;</li> <li>- Tổ chức thực hiện được các biện pháp an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp,</li> </ul>	57	1.400	375	1.025

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/Tích hợp
				<p>phòng chống cháy nổ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xử lý được tình huống sơ cứu người bị nạn tại các công trình thi công;</li> <li>- Áp dụng được những biện pháp bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả;</li> <li>- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;</li> <li>- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.</li> </ul>				
23	May thời trang	Trung cấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng môn học, mô đun: 29</li> <li>- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 71 tín chỉ</li> <li>- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1395 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun bổ trợ: 60 giờ</li> <li>- Khối lượng lý thuyết: 484 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.118 giờ; Kiểm tra: 48 giờ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân biệt và lựa chọn được vật liệu may phù hợp với kiểu dáng sản phẩm và đối tượng sử dụng;</li> <li>- Tổ chức thực hiện được các biện pháp về an toàn lao động, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ; sơ cứu được một số tình huống tai nạn thường xảy ra tại nơi làm việc;</li> <li>- Thiết kế được các kiểu áo sơ mi nam nữ, quần âu nam nữ, áo Jacket;</li> <li>- Vận hành, sử dụng thành thạo các thiết bị may cơ bản, thiết bị may điện tử, các thiết bị chuyên dùng ngành may;</li> <li>- Cắt, may được các kiểu áo sơ mi nam nữ, quần âu nam nữ, áo Jacket;</li> </ul>	71	1.650	484	1.166

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng được quy trình công nghệ lắp ráp các loại sản phẩm may;</li> <li>- Phát hiện, xử lý được những sự cố thông thường trong quá trình may sản phẩm;</li> <li>- Sử dụng được đồ gá, ke, cữ...;</li> <li>Vận dụng được các kiến thức 5S vào quá trình thực hiện từng công việc cụ thể;</li> <li>- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;</li> <li>- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.</li> </ul>				
24	Tin học ứng dụng	Trung cấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng môn học: 27</li> <li>- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khoá học: 59 tín chỉ (1.455 giờ)</li> <li>- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.140 giờ</li> <li>- Khối lượng lý thuyết: 450 giờ; Thực hành, thực tập, bài tập: 972 giờ; Kiểm tra: 33 giờ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định;</li> <li>- Kết nối, điều khiển được máy tính và các thiết bị ngoại vi, mạng máy tính;</li> <li>- Lắp ráp, kết nối, sử dụng được hệ thống máy tính và các thiết bị ngoại vi, thiết bị an ninh;</li> <li>- Hỗ trợ, tìm hiểu được nhu cầu của khách hàng, tư vấn cho khách hàng, hình thành sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng;</li> <li>- Sử dụng thành thạo bộ phần mềm Microsoft Office;</li> <li>- Lắp ráp, cài đặt và sửa chữa hệ thống</li> </ul>	59	1.455	450	1.005



TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/Tích hợp
				<p>máy tính;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế và xây dựng được hệ thống mạng cục bộ vừa và nhỏ;</li> <li>- Thiết kế đồ họa;</li> <li>- Sao lưu, phục hồi, phòng chống virus cho dữ liệu trong máy tính;</li> <li>- Có năng lực ngoại ngữ bậc 1/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.</li> </ul>				
25	Chế biến và bảo quản thủy sản	Trung cấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng môn học, mô đun: 23</li> <li>- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 58 tín chỉ (1.440 giờ)</li> <li>- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ (12 TC)</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1125 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun bổ trợ: 60 giờ</li> <li>- Khối lượng lý thuyết: 428 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 953 giờ; Kiểm tra: 59 giờ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân loại được nguyên liệu thủy sản theo loài, chất lượng và cỡ;</li> <li>- Thực hiện được công việc bảo quản tươi, sống nguyên liệu thủy sản đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật cho từng loại nguyên liệu;</li> <li>- Thực hiện được các thao tác trong qui trình chế biến sản phẩm thủy sản;</li> <li>- Khắc phục được sự cố xảy ra trong quá trình chế biến thủy sản;</li> <li>- Lắp đặt và vận hành được một số máy và thiết bị trong quá trình chế biến;</li> <li>- Tổ chức thực hiện được công tác an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, an toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ;</li> <li>- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;</li> </ul>	58	1.440	428	1.012
26	Nghệ thuật biểu diễn múa	Trung cấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng môn học, mô đun: 16</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được các kỹ thuật, kỹ xảo cơ bản của các môn múa đã được học trong</li> </ul>	62	1.685	418	1.267

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
	dân gian dân tộc		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 62 tín chỉ/1.685 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học chung /đại cương: 255 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên ngành: 1.370 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun bổ trợ: 60 giờ</li> <li>- Khối lượng lý thuyết: 418 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.208 giờ, kiểm tra: 59 giờ</li> </ul>	<p>chương trình đào tạo;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình diễn được các kỹ thuật cơ bản trong các thể loại múa đơn, múa đôi, múa ba người và múa tập thể;</li> <li>- Thể hiện được kỹ năng, kỹ thuật cơ bản thành thạo trong biểu diễn tác phẩm múa;</li> <li>- Biểu diễn được các tác phẩm múa trong và ngoài nước với nhiều phong cách khác nhau;</li> <li>- Sử dụng được các trang thiết bị âm thanh, phần mềm âm nhạc, khai thác các ứng dụng công nghệ truyền thông, đảm bảo an toàn cho người và thiết bị dụng cụ biểu diễn;</li> <li>- Vận dụng linh hoạt, phù hợp các kỹ năng mềm như: kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng giải quyết xung đột, kỹ năng làm việc nhóm... vào quá trình làm việc một cách hiệu quả;</li> <li>- Có kỹ năng sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;</li> <li>- Có kỹ năng sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.</li> </ul>				

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/Tích hợp
27	Quản trị khách sạn	Trung cấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng môn học, mô đun: 24</li> <li>- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 61 tín chỉ/ 1.410 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn, tự chọn, bổ trợ: 1155 giờ</li> <li>- Khối lượng lý thuyết: 422 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 936 giờ; Kiểm tra: 52 giờ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giao tiếp tốt với khách hàng, phù hợp với yêu cầu phục vụ khách tại tất cả các vị trí của các bộ phận trong khách sạn như: bộ phận lễ tân, bộ phận buồng, nhà hàng hoặc bộ phận yến tiệc, hội nghị - hội thảo;</li> <li>- Chăm sóc khách hàng và giải quyết phàn nàn của khách hàng có hiệu quả;</li> <li>- Sử dụng đúng, an toàn các loại trang thiết bị khách sạn;</li> <li>- Thực hiện đúng quy trình phục vụ khách hàng tại các vị trí công việc của bộ phận lễ tân, Buồng, nhà hàng hoặc khu vực hội nghị, hội thảo theo tiêu chuẩn của khách sạn;</li> <li>- Lập được các loại báo cáo, soạn thảo được văn bản đối nội, hợp đồng thông dụng của khách sạn - nhà hàng;</li> <li>- Sử dụng được phần mềm quản trị khách sạn trong công việc hàng ngày;</li> <li>- Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;</li> <li>- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam, ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.</li> </ul>	61	1.410	422	988
28	Văn thư hành	Trung cấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng môn học, mô</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ</li> </ul>	63	1.500	488	1.012

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/Tích hợp
	chính		<p>đun: 26</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 63 tín chỉ/1.500 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ</li> <li>- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.185 giờ</li> <li>- Khối lượng lý thuyết: 488 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 952 giờ; Kiểm tra: 60 giờ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- tuân theo quy định;</li> <li>- Trình bày được cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan và các đơn vị trực thuộc;</li> <li>- Mô tả được các quy chế của cơ quan về công tác văn thư;</li> <li>- Trình bày được các quy chế bảo mật trong cơ quan có liên quan đến công tác văn thư;</li> <li>- Đánh máy chữ và sử dụng được các phương tiện sao in tài liệu;</li> <li>- Sử dụng được một số phần mềm tin học văn phòng và phần mềm chuyên dụng hỗ trợ cho nghề như Word, excel, Power point, Team view...;</li> <li>- Phát hiện được những văn bản ban hành thiếu hoặc sai thể thức;</li> <li>- Vận dụng được phương pháp và kỹ thuật soạn thảo văn bản để soạn thảo một số văn bản về công tác văn thư, hành chính, lưu trữ, thư ký, lễ tân;</li> <li>- Tiếp nhận, kiểm tra, phân loại, bóc bì, đóng dấu đến, ghi số, ngày đến, đăng ký văn bản đến bằng máy vi tính và bằng sổ, chuyên giao văn bản đến đúng quy định;</li> <li>- Kiểm tra thể thức, hình thức và kỹ thuật trình bày văn bản, đóng dấu văn bản, đăng ký văn bản đi bằng máy vi tính và bằng sổ, làm các thủ tục phát hành văn bản đi</li> </ul>				

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
				<p>đúng quy định;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sao và ban hành bản sao văn bản thành thạo theo đúng các bước của quy trình;</li> <li>- Xác định chính xác hồ sơ cần lập trong cơ quan, đơn vị;</li> <li>- Lập được hồ sơ công việc, hồ sơ nguyên tắc, hồ sơ nhân sự;</li> <li>- Hướng dẫn được phương pháp lập hồ sơ;</li> <li>- Làm thủ tục và giao nộp hồ sơ vào lưu trữ cơ quan thành thạo theo đúng quy định;</li> <li>- Soạn thảo văn bản trên máy vi tính và quản lý văn bản đi, đến và lập hồ sơ trong môi trường mạng thành thạo;</li> <li>- Xác định chính xác hồ sơ cần lập trong cơ quan, đơn vị;</li> <li>- Làm thủ tục và giao nộp hồ sơ vào lưu trữ cơ quan đúng quy định;</li> <li>- Mô tả được thể lệ gửi, nhận công văn, điện tín theo địa chỉ;</li> <li>- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.</li> </ul>				
29	Cơ điện nông thôn	Trung cấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng môn học, môn: 28</li> <li>- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 62 tín chỉ;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng được các dụng cụ cơ khí, dụng cụ nghề điện, các dụng cụ đo, dụng cụ kiểm tra, các trang thiết bị phụ trợ và các dụng cụ chuyên dùng;</li> </ul>	62	1.500	488	1.012

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
			<p>tổng số: 1.500 giờ; Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ</li> <li>+ Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.185 giờ</li> <li>+ Khối lượng các môn học bổ trợ: 60 giờ</li> <li>+ Khối lượng lý thuyết: 448 giờ; Thực hành, thực tập: 963 giờ; Kiểm tra: 89 giờ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo dưỡng, sửa chữa được động cơ đốt trong và các máy nông nghiệp thông dụng, chuyên dụng đúng trình tự và đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật;</li> <li>- Lắp đặt được các hệ thống bảo vệ an toàn trong lĩnh vực cơ điện nông thôn. Biết sơ cứu nạn nhân bị tai nạn lao động, bị điện giật;</li> <li>- Lắp đặt, kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống điện dân dụng, một số loại khí cụ điện hạ áp thông dụng và các thiết bị điện gia dụng đúng yêu cầu kỹ thuật;</li> <li>- Vận hành được các máy nông nghiệp thông dụng, chuyên dụng đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm;</li> <li>- Gia công, sửa chữa được các nông cụ cầm tay và một số kết cấu thép gia dụng;</li> <li>- Vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa được các máy điện như: máy biến áp cỡ nhỏ, động cơ không đồng bộ, các khí cụ điện hạ áp, động cơ điện vạn năng...;</li> <li>- Kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa được các hư hỏng của các thiết bị điện gia dụng;</li> <li>- Sử dụng hiệu quả và tiết kiệm năng lượng.</li> <li>- Có kỹ năng giao tiếp, truyền đạt hiệu quả các thông tin, ý tưởng, giải pháp tới người khác tại nơi làm việc.</li> <li>- Có kỹ năng phân tích và xử lý thông tin</li> </ul>				

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
				<p>trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kỹ năng giao tiếp chuyên môn và xã hội linh hoạt.</li> <li>- Có kỹ năng thuyết trình, giao tiếp ứng xử, kỹ năng làm việc theo nhóm.</li> <li>- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;</li> <li>- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề đào tạo.</li> </ul>				

### III. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
1	Nghề vụ bếp trưởng	Sơ cấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian đào tạo: 3 tháng</li> <li>- Thời gian học tập: 13 tuần</li> <li>- Thời gian thực học tối thiểu: 340 giờ</li> <li>- Thời gian ôn tập, kiểm tra hết mô-đun và thi tốt nghiệp: 32 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 8 giờ)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hình thành được kỹ năng tư duy, tổng hợp, liên hệ các bài học với nhau và vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tế đời sống. Từ đó tạo say mê với môn học, với nghề nấu ăn.</li> <li>+ Hình thành nên kỹ năng làm việc (cắt thái, xóc chảo, chuẩn bị khu vực làm việc trong bếp, phụ bếp) một cách có hệ thống, hiệu quả;</li> <li>+ Có kiến thức nâng cao để nghiên cứu cách nấu, cách chế biến các loại thức ăn.</li> </ul>		340	78	282
2	Cắt gọt kim loại	Sơ cấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian đào tạo: 3 tháng</li> <li>- Thời gian học tập: 13 tuần</li> <li>- Thời gian thực học: 330h.</li> <li>- Thời gian ôn và kiểm tra là 24h, trong đó kiểm tra kết thúc khóa học là 16h.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện các biện pháp an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp.</li> <li>- Sử dụng thành thạo các loại máy tiện vạn năng, máy phay.</li> <li>- Phát hiện và sửa chữa được các sai hỏng thông thường của máy, đồ gá và vật gia công.</li> <li>- Chế tạo và mài được các dụng cụ cắt đơn giản.</li> <li>- Tiện được các chi tiết có mặt trụ tròn, bậc, mặt côn, ren tam giác, các hệ ngoài và trong;</li> <li>- Phay được các dạng mặt phẳng, góc,...</li> <li>- Mài các loại dụng cụ cắt.</li> </ul>		330	63	217
3	Nghề vụ chăm sóc	Sơ cấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khối lượng kiến thức toàn khóa: 300 giờ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm sóc sức khỏe và bảo đảm an toàn cho trẻ mầm non</li> </ul>		300	67	233



TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
	trẻ		- Lý thuyết: 67 giờ - Thực hành: 225giờ - Kiểm tra: 08 giờ - Số mô đun: 05 mô đun	- Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non				
4	Chăm sóc da - Spa	Sơ cấp	Thời gian đào tạo: 03 tháng - Khối lượng kiến thức toàn khóa: 360 giờ - Lý thuyết: 85 giờ - Thực hành: 221giờ - Kiểm tra: 54 giờ - Số mô đun: 03 mô đun	- Lựa chọn các sản phẩm phù hợp với da - Thực hiện thành thạo thao tác làm sạch da, chăm sóc da - Thành thạo kỹ thuật massage mặt, cơ thể - Kỹ năng an toàn và vệ sinh trong quá trình chăm sóc da - spa		360	85	276
5	Bảo trì sân gôn	Sơ cấp	- Khối lượng kiến thức toàn khóa: 770 giờ - Lý thuyết: 167 giờ - Thực hành: 469giờ - Kiểm tra: 114 giờ - Số mô đun: 08 mô đun	-Thực hiện được các kỹ năng cơ bản của công việc bảo trì sân gôn.		770	167	583
6	Đàn Organ	Sơ cấp	- Khối lượng kiến thức toàn khóa: 300 giờ - Lý thuyết: 35 giờ - Thực hành; 200giờ - Kiểm tra: 65 giờ - Số mô đun: 04 mô đun	- Kỹ năng luyện tập thực hành các bài kỹ thuật ngón đơn giản trong cuốn Phương pháp học đàn Organ keyboar Tập 1 của Lê Vũ. - Kỹ năng sử dụng các chức năng trên đàn Organ. - Kỹ năng thực hành các thế bấm các hợp âm chính và phụ của giọng trưởng và giọng thứ song song. - Kỹ năng xướng âm, thị tấu, luyện tiết tấu. - Kỹ năng đánh các bài nhạc đơn giản ở giọng trưởng và thứ song song.		300	35	265

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
7	Thanh nhạc	Sơ cấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khối lượng kiến thức toàn khóa: 300 giờ</li> <li>- Lý thuyết: 35 giờ</li> <li>- Thực hành: 257 giờ</li> <li>- Kiểm tra: 08 giờ</li> <li>- Số mô đun: 04 mô đun</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng hát rõ lời, thể hiện được cảm xúc vào tác phẩm thanh nhạc, áp dụng những kỹ năng cơ bản trong việc phát âm, đem lại hiệu quả trong việc biểu diễn tác phẩm thanh nhạc.</li> </ul>		300	35	265
8	Điều hành gôn	Sơ cấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khối lượng kiến thức toàn khóa: 770 giờ</li> <li>- Lý thuyết: 216 giờ</li> <li>- Thực hành: 440 giờ</li> <li>- Kiểm tra: 114 giờ</li> <li>- Số mô đun: 06 mô đun</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được các kỹ năng cơ bản của công việc điều hành sân gôn.</li> <li>- Tổ chức được hoạt động chơi gôn và giải đấu gôn.</li> <li>- Giao tiếp được ngôn ngữ Việt và ngôn ngữ Anh trong phạm vi hoạt động gôn.</li> </ul>		770	216	554
9	Múa dân gian dân tộc		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khối lượng kiến thức toàn khóa: 350 giờ</li> <li>- Lý thuyết: 40 giờ</li> <li>- Thực hành: 280 giờ</li> <li>- Kiểm tra: 20 giờ</li> <li>- Số mô đun: 06 mô đun</li> </ul>	<p>Sau khi học xong chương trình, học viên có được các kỹ năng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm được kiến thức cơ bản của ngôn ngữ múa như về dáng dấp, cử chỉ điệu bộ...</li> <li>- Nắm được tính chất động tác và bản sắc văn hóa dân tộc của từng vùng miền.</li> </ul>		350	40	310
10	Thư viện Thiết bị	Sơ cấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khối lượng kiến thức toàn khóa: 300 giờ</li> <li>- Lý thuyết: 78 giờ</li> <li>- Thực hành: 217 giờ</li> <li>- Kiểm tra: 10 giờ</li> <li>- Số mô đun: 09 mô đun</li> </ul>	<p>Kỹ năng chuyên môn thư viện: Thực hành thành thạo các quy trình công nghệ trong thư viện:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển vốn tài liệu</li> <li>- Tổ chức vốn tài liệu</li> <li>- Xử lý tài liệu</li> <li>- Xây dựng bộ máy tra cứu</li> <li>- Bảo quản tài liệu</li> <li>- Giới thiệu tài liệu và tư vấn người đọc</li> <li>- Tổ chức môi trường đọc và dịch vụ thư</li> </ul>				

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
				viện + Kỹ năng chuyên môn thiết bị: Thực hành thành thạo các quy trình trong bộ phận thiết bị: - Bỏ sung thiết bị - Xử lý thiết bị - Bảo quản thiết bị - Giới thiệu và tư vấn sử dụng thiết bị				
11	Thú y	Sơ cấp	- Số lượng mô đun đào tạo: 04 mô đun - Khối lượng học tập toàn khóa học: 9 tín chỉ - Thời gian của khóa học: 315 giờ, trong đó: + Khối lượng học tập lý thuyết: 34 giờ + Khối lượng học tập thực hành: 271 giờ; + Thi, kiểm tra: 10 giờ.	- Thực hiện được quy trình chăn nuôi gà, lợn, bò; chẩn đoán được bệnh thông qua triệu chứng lâm sàng; - Xác định được nguyên nhân, triệu chứng, bệnh tích và các biện pháp phòng - trị bệnh thường gặp ở vật nuôi; - Sử dụng được các loại thuốc thông dụng trên thị trường để phòng và trị bệnh cho vật nuôi hiệu quả.	09	315	34	281
12	Dịch vụ chăm sóc gia đình	Sơ cấp	Thời gian đào tạo: 03 tháng - Khối lượng kiến thức toàn khóa: 300 giờ - Lý thuyết: 82 giờ - Thực hành: 218 giờ	- Kỹ năng làm sạch nhà cửa, đồ dùng trong gia đình. - Kỹ năng xây dựng thực đơn, chế biến món ăn - Chăm sóc người ốm - Xử lý các tình huống sự cố xảy ra trong gia đình		300	82	218
13	Họa viên mỹ thuật	Sơ cấp	Thời gian đào tạo: 03 tháng - Khối lượng kiến thức toàn khóa: 370 giờ	Thực hành vẽ mỹ thuật, thụ cảm thẩm mỹ		370	32	338

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
			- Lý thuyết: 32 giờ - Thực hành: 338 giờ					
14	Thêu	Sơ cấp	Thời gian đào tạo: 03 tháng - Khối lượng kiến thức toàn khóa: 410 giờ - Lý thuyết: 90 giờ - Thực hành: 285 giờ - Kiểm tra: 35 giờ	- Sử dụng thành thạo dụng cụ thêu - Thực hiện các mũi thêu cơ bản và thêu đặc đúng quy trình kỹ thuật		410	90	320
15	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	Sơ cấp	- Tổng thời gian toàn khóa: 312 giờ; - Thời gian thực học: 300 giờ; - Thời gian học lý thuyết: 69 giờ; - Thời gian học thực hành: 222 giờ; - Thời gian kiểm tra định kỳ: 9 giờ; - Thời gian kiểm tra kết thúc mô đun, kết thúc khóa học: 12 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 4 giờ)	- Nhận biết, kiểm tra, đánh giá tình trạng, lắp đặt và thử nghiệm được các thiết bị điện lạnh và các thiết bị điện cơ bản trong các hệ thống máy lạnh và điều hòa không khí thông dụng; - Thực hiện được việc lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng, kiểm tra, sửa chữa, thay thế thiết bị trong các hệ thống máy lạnh và điều hòa không khí thông dụng; - Sử dụng thành thạo các thiết bị nghề một cách an toàn; biết sơ cứu nạn nhân khi có sự cố xảy ra; - Có khả năng làm việc độc lập và nhóm.		312	69	243
16	Tin học văn phòng	Sơ cấp	- Tổng thời gian toàn khóa: 312 giờ; - Thời gian thực học: 300 giờ; - Thời gian học lý thuyết: 60 giờ; - Thời gian học thực hành:	- Soạn thảo được các văn bản Word theo yêu cầu công việc; - Sử dụng Microsoft Excel để tính toán được các bài toán đơn giản: tính lương, chấm công,...; - Sử dụng được chương trình Microsoft		312	60	252

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
			230 giờ; - Thời gian kiểm tra định kỳ: 10 giờ; - Thời gian kiểm tra kết thúc mô đun, kết thúc khóa học: 12 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 4 giờ)	PowerPoint để tạo lập các bài thuyết trình phục vụ công việc chuyên môn; - Khai thác hiệu quả Internet và các ứng dụng trên mạng Internet;				
17	Hàn	Sơ cấp	- Tổng thời gian toàn khóa: 300 giờ - Thời gian thực học: 300 giờ - Thời gian học lý thuyết: 100 giờ; - Thời gian học thực hành: 192 giờ - Thời gian kiểm tra kết thúc mô đun, kết thúc khóa học: 12 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 4 giờ)	- Thực hiện được các biện pháp an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp. - Sử dụng thành thạo các loại dụng cụ đo thông dụng và phổ biến của nghề Hàn. - Tính toán được chế độ hàn và lựa chọn vật liệu hàn hợp lý. - Vận hành thành thạo các loại thiết bị hàn (SMAW, MAG/MIG, TIG, hàn khí). - Hàn được các mối hàn bằng phương pháp hàn Hồ quang tay (1F – 3F; 1G – 3G), đạt yêu cầu kỹ thuật của bản vẽ.		300	100	200
18	Tiện kim loại	Sơ cấp	- Tổng thời gian toàn khóa: 300 giờ - Thời gian thực học: 300 giờ - Thời gian học lý thuyết: 103 giờ; - Thời gian học thực hành: 189 giờ - Thời gian ôn tập, kiểm tra kết thúc mô đun, kết thúc khóa học: 12 giờ (Trong đó	- Thực hiện được các biện pháp an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp. - Sử dụng thành thạo các loại dụng cụ đo thông dụng và phổ biến của nghề Tiện kim loại. - Sử dụng thành thạo máy tiện và gia công được các loại chi tiết máy bằng phương pháp tiện đạt cấp chính xác từ cấp 8 đến cấp 10, độ nhám từ Rz20 đến Ra5, đạt yêu cầu kỹ thuật, đúng thời gian đã định, bảo		300	103	197

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
			thi tốt nghiệp: 4 giờ)	đảm an toàn tuyệt đối cho người và máy.				
19	Máy thời trang	Sơ cấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng thời gian toàn khóa: 312 giờ;</li> <li>- Thời gian thực học: 300 giờ;</li> <li>- Thời gian học lý thuyết: 40 giờ;</li> <li>- Thời gian học thực hành: 247 giờ;</li> <li>- Thời gian kiểm tra định kỳ: 13 giờ;</li> <li>- Thời gian kiểm tra kết thúc mô đun, kết thúc khóa học: 12 giờ (Trong đó thời gian kết thúc khóa học: 4 giờ).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận hành máy thành thạo, an toàn, đúng quy trình kỹ thuật cũng như khắc phục được những hư hỏng thông thường khi sử dụng máy may công nghiệp 1 kim, máy vắt sổ, máy thùa khuy, đính nút.</li> <li>- Thiết kế được một số trang phục cơ bản như quần tây, áo sơ mi.</li> <li>- May thành thạo một số công đoạn chính trên trang phục căn bản và lắp ráp hoàn chỉnh sản phẩm thông dụng như áo sơ mi, quần âu, đầm, váy, áo jacket đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và mỹ thuật.</li> <li>- Có khả năng làm việc độc lập trên các công đoạn gia công lắp sản phẩm áo sơ mi, quần âu để có thể đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của các công ty, xí nghiệp.</li> </ul>		312	40	272
20	Sửa chữa điện ô tô	Sơ cấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng thời gian toàn khóa: 312 giờ</li> <li>- Thời gian thực học: 300 giờ</li> <li>- Thời gian học lý thuyết: 60 giờ;</li> <li>- Thời gian học thực hành: 231 giờ;</li> <li>- Thời gian kiểm tra định kỳ: 9 giờ;</li> <li>- Thời gian kiểm tra kết thúc mô đun, kết thúc khóa học: 12 giờ (Trong đó thời gian</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tháo lắp, bảo dưỡng, sửa chữa các hư hỏng của hệ thống điện trên ô tô.</li> <li>- Kiểm tra, sửa chữa các lỗi về điện ô tô đảm bảo trình tự và yêu cầu kỹ thuật.</li> </ul>		312	60	252

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/Tích hợp
			kiểm tra kết thúc khóa học: 4 giờ)					
21	Sửa chữa hệ thống gầm	Sơ cấp	- Tổng thời gian toàn khóa: 327 giờ; - Thời gian thực học: 315 giờ; - Thời gian học lý thuyết: 65 giờ; - Thời gian học thực hành: 240 giờ; - Thời gian kiểm tra định kỳ: 10 giờ; - Thời gian kiểm tra kết thúc mô đun, kết thúc khóa học: 12 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 4 giờ)	- Thực hiện được công việc tháo lắp hệ thống gầm ô tô, bảo dưỡng, sửa chữa các hư hỏng thông thường của hệ thống gầm như: hệ thống truyền lực, hệ thống di chuyển, hệ thống lái, hệ thống phanh.		327	65	262
22	Kỹ thuật làm bánh Âu	Sơ cấp	- Thời gian đào tạo: 3 tháng - Thời gian học tập: 12 tuần - Thời gian thực học tối thiểu: 300 giờ - Thời gian ôn, kiểm tra hết môn và thi tốt nghiệp: 30 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 8 giờ)	+ Thực hiện thành thạo các thao tác làm bánh, chế biến kem và bột cơ bản; + Chế biến đúng trình tự và đạt yêu cầu kỹ thuật các loại bánh Âu cơ bản; + Sử dụng thành thạo, an toàn các thiết bị làm bánh;		300	48	252
23	Vi tính văn phòng	Sơ cấp	- Thời gian đào tạo: 03 tháng - Thời gian học tập: 12 tuần - Thời gian thực học tối thiểu: 360 giờ - Thời gian ôn, kiểm tra hết	+ Thực hiện thuần thục soạn thảo, xử lý và in ấn văn bản + Sử dụng được các thiết bị hỗ trợ, thiết bị đa phương tiện + Tìm kiếm và giao tiếp, thu thập được các		360	78	282

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
			môn và thi tốt nghiệp: 25 giờ ( Trong đó thi tốt nghiệp: 8 giờ)	tài liệu trên Internet + Lắp đặt được một số mạng cục bộ cơ bản				
24	Nghiệp vụ lễ tân	Sơ cấp	- Thời gian đào tạo: 3 tháng - Thời gian học tập: 12 tuần - Thời gian thực học tối thiểu: 300 giờ - Thời gian ôn, kiểm tra hết môn và thi tốt nghiệp: 30 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 8 giờ)	+ Thực hiện thành thạo các quy trình nghiệp vụ lễ tân (đặt buồng, đăng ký khách sạn, phục vụ khách, thanh toán, giải quyết phàn nàn, ...); xác định giá bán, quảng cáo, tiếp thị sản phẩm, tổ chức điều hành một ca làm việc, xử lý tình huống nghiệp vụ cơ bản trong lễ tân, đón tiếp khách, xử lý tình huống nghiệp vụ cơ bản trong quản trị lưu trú. + Có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong phạm vi giao tiếp thông thường và theo yêu cầu ở vị trí công việc		360	73	287
25	Nghiệp vụ buồng	Sơ cấp	- Thời gian đào tạo: 3 tháng - Thời gian học tập: 12 tuần - Thời gian thực học tối thiểu: 360 giờ - Thời gian ôn, kiểm tra hết môn và thi tốt nghiệp: 35 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 8 giờ)	+ Thực hiện thành thạo các thao tác và quy trình vệ sinh buồng. + Sử dụng thành thạo, an toàn các thiết bị làm vệ sinh.		360	55	305
26	Lắp đặt điện nội thất	Sơ cấp	- Thời gian đào tạo: 3 tháng (tương ứng 12 tuần) - Thời gian thực học: 10 tuần - Thời gian thực học tối thiểu: 400 giờ	+ Đọc được bản vẽ thiết kế điện, sơ đồ mạch điện và lập được phương án thi công khả thi; + Lựa chọn được dụng cụ, vật tư, thiết bị đủ số lượng và đúng chủng loại theo thiết		400	76	324



TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/Tích hợp
			- Thời gian cho các hoạt động chung: 40 giờ - Thời gian ôn và kiểm tra kết thúc khoá học: 40 giờ (Trong đó kiểm tra kết thúc khoá học: 08 giờ)	kế; + Sử dụng được đồng hồ vạn năng, ampe kìm, mê gôm mét để đo các thông số trong mạch điện và mạng điện; + Sử dụng được dụng cụ đo, lấy dấu, bộ đồ nghề điện, máy cắt và máy khoan cầm tay, bộ nong loe, mỏ hàn điện...; + Lắp đặt, kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng được các khí cụ điện đóng cắt và bảo vệ, thiết bị điện thông dụng trong nhà, trong xưởng sản xuất nhỏ đúng quy trình, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật và đúng thời gian; + Vận hành được mạch điện đúng quy trình.				
27	Nghiệp vụ bàn	Sơ cấp	- Thời gian đào tạo: 3 tháng - Thời gian học tập: 12 tuần - Thời gian thực học tối thiểu: 360 giờ - Thời gian ôn, kiểm tra hết môn và thi tốt nghiệp: 35 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 8 giờ)	+ Thực hiện thành thạo các thao tác và quy trình phục vụ khách ăn uống tại các nhà hàng, khách sạn và các cơ sở kinh doanh ăn uống khác; + Phục vụ thực khách ăn uống tận tình, chuyên nghiệp, chu đáo; + Xử lý được các tình huống xảy ra trong quá trình phục vụ thực khách; - Thái độ: + Hình thành tác phong nghề nghiệp cần thiết, có ý thức kỷ luật; + Có lòng yêu nghề, ân cần, niềm nở và lịch sự trong công việc.		360	67	293
28	Nề hoàn	Sơ cấp	- Thời gian khóa học: 4 tháng	+ Thực hiện được những nội dung cơ bản		480	103	377

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
	thiện		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian học tập: 16 tuần</li> <li>- Thời gian thực học tối thiểu: 480 giờ</li> <li>- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn-đun và kiểm tra kết thúc khóa học: 40 giờ (Trong đó kiểm tra kết thúc khóa học: 20 giờ)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>về công tác bảo hộ lao động và kỹ thuật an toàn lao động;</li> <li>+ Thực hiện được cách xác định tim mốc và công tác thi công đào đắp bằng phương pháp thủ công;</li> <li>+ Lắp dựng được các loại cốp pha, giàn giáo khi thi công kết cấu bê tông cốt thép đơn giản;</li> <li>+ Gia công và lắp đặt được các loại cốt thép trong kết cấu bê tông cốt thép đơn giản;</li> <li>+ Thực hiện được quy trình thi công bê tông: Trộn, vận chuyển, đổ, san đầm và bảo dưỡng;</li> <li>+ Làm được các nội dung trong công tác xây gạch, xây lát đá và công tác trát, láng, lát, ốp và hoàn thiện công trình.</li> <li>+ Làm được các công việc về qui trình xây dựng và hoàn thiện công trình tại các đơn vị thực tập sản xuất;</li> </ul>				
29	Điện công nghiệp	Sơ cấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian đào tạo: 6 tháng.</li> <li>- Thời gian học tập: 24 tuần.</li> <li>- Thời gian thực học tối thiểu: 720h.</li> <li>- Thời gian học lý thuyết: 164h, thời gian thực hành 556h.</li> <li>- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn và thi: 40h, thi tốt nghiệp:</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vận hành và sửa chữa được các loại máy điện: Máy biến áp, động cơ điện 1 pha, 3 pha và một số loại máy điện thông dụng khác.</li> <li>+ Lắp đặt, sửa chữa được một số mạch điều khiển đơn giản dùng rơle công tắc tơ trong tự động không chế động cơ 3 pha, động cơ một chiều trên mô hình, bảng thực hành.</li> <li>+ Tính chọn được công suất động cơ điện</li> </ul>		720	164	556

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
			8h.	dùng trang bị cho máy sản xuất. + Sơ cứu được nạn nhân bị tai nạn lao động và điện giật.				
30	Hàn Điện	Sơ cấp	- Thời gian đào tạo: 06 tháng - Thời gian học tập: 20 tuần - Thời gian thực học tối thiểu: 720 giờ - Thời gian ôn và kiểm tra hết môn học, mô-đun và thi tốt nghiệp: 32 giờ (trong đó thi tốt nghiệp: 8 giờ)	+ Chuẩn bị được vật liệu hàn, nhận biết được các loại que hàn, khí hàn dùng trong phương pháp hàn điện. + Tính toán được chế độ hàn phù hợp với chiều dày, tính chất của vật liệu, vị trí và kiểu liên kết hàn. + Hàn được các mối hàn ở các vị trí hàn bằng, hàn đứng, hàn ngang bằng các phương pháp SMAW, GTAW, GMAW.		720	117	603
31	May công nghiệp	Sơ cấp	- Thời gian đào tạo : 3 tháng - Thời gian học tập : 12 tuần - Thời gian thực học tối thiểu : 360 giờ - Thời gian ôn, kiểm tra hết môn: 12 giờ	+ Sử dụng thành thạo và sửa chữa được những sai hỏng thường gặp của các dụng cụ thiết bị. + May hoàn chỉnh áo sơ mi đúng quy trình và đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. - Thái độ: + Có tác phong công nghiệp, đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp.		360	56	304
32	Kỹ thuật chế biến món ăn	Sơ cấp	- Thời gian đào tạo: 3 tháng - Thời gian học tập: 12 tuần - Thời gian thực học tối thiểu: 360 giờ - Thời gian ôn, kiểm tra hết môn và thi tốt nghiệp: 35 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 8 giờ)	+ Thực hiện thành thạo các thao tác sơ chế, cắt thái, phối hợp các loại nguyên liệu và trình bày món ăn. + Chế biến đúng kỹ thuật các món ăn Âu, Á phổ biến, các món ăn đặc sản của địa phương. + Trang trí, trình bày được món ăn đẹp mắt, đảm bảo yêu cầu thẩm mỹ; xử lý một số tình huống nghiệp vụ kỹ thuật cơ bản trong		360	82	278

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
				quá trình chế biến món ăn.				
33	Kỹ thuật pha chế đồ uống	Sơ cấp	- Thời gian đào tạo: 03 tháng - Thời gian học tập: 12 tuần - Thời gian thực học tối thiểu: 300 giờ	+ Sử dụng đúng, an toàn các loại trang thiết bị, dụng cụ quầy bar; + Thực hiện được quy trình pha chế và phục vụ các loại thức uống phổ biến cho khách; + Phân biệt được sự khác nhau của các loại rượu; + Pha chế và phục vụ các loại cocktail, mocktail và các loại đồ uống khác như: trà, cà phê, sinh tố, nước trái cây, bia,... cho thực khách.		360	87	273
34	Sửa chữa ô tô	Sơ cấp	- Số lượng mô đun: 09 - Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 17 tín chỉ (510 giờ) - Khối lượng lý thuyết: 134 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 539 giờ; Kiểm tra: 17 giờ	- Biết lựa chọn đúng và sử dụng được các loại dụng cụ, thiết bị tháo, lắp, đo và kiểm tra cơ bản trong nghề sửa chữa ô tô; - Biết kiểm tra những sai hỏng của các cụm chi tiết, hệ thống cơ bản trên ô tô; - Thực hiện các công việc bảo dưỡng, sửa chữa ô tô đúng quy trình, quy phạm và đảm bảo kỹ thuật; - Làm được các công việc cơ bản của người thợ nguội, thợ hàn và thợ điện phục vụ cho quá trình sửa chữa ô tô;	17	510	134	376
35	Nghề lái xe ô tô hạng B1	Sơ cấp	476 giờ	Điều khiển phương tiện giao thông khi tham gia giao thông tương ứng với hạng đào tạo một cách thành thạo; xử lý các tình huống giao thông hợp lý, an toàn, đúng kỹ thuật.		476	136	340
36	Nghề lái xe	Sơ cấp	588 giờ	Điều khiển phương tiện giao thông khi		288	168	450

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Khối lượng kiến thức	Kỹ năng tối thiểu	Số lượng tín chỉ	Số giờ		
						Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp
	ô tô hạng B2			tham gia giao thông tương ứng với hạng đào tạo một cách thành thạo; xử lý các tình huống giao thông hợp lý, an toàn, đúng kỹ thuật.				
37	Nghề lái xe ô tô hạng C	Sơ cấp	920 giờ	Điều khiển phương tiện giao thông khi tham gia giao thông tương ứng với hạng đào tạo một cách thành thạo; xử lý các tình huống giao thông hợp lý, an toàn, đúng kỹ thuật.		920	168	762

Quảng Nam, ngày..... tháng..... năm 2023

**HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

**PGS.TS. Vũ Thị Phương Anh**